THƯ VIỆN HÀ NỘI | ĐC
HVV3455

TÁC-GIẢ :
ĐẶNG TRẦN-THƯỜNG

TẦN CUNG-NỮ OÁN

BÁI-CÔNG VĂN

TON-THAT-LUONG
Giáo-sư trường Trung-học Đồng-Khánh
chú-thích và dẫn-giải

NHÀ XUẤT BẢN
TỐ-NHƯ
1—Trần-văn Nhung—1
HUE

TỰA

Vân-Bình tiên-sinh là một trong những bậc thâm-nho hiếm-hoi ngày nay. Tôi nghe tiếng Tiên-sinh đã lâu nhưng chưa được may mắn gặp gỡ. Phải chăng bởi Tiên-sinh và tôi đều mỗi người ở vào một thế-hệ khác ?

Trong một cuộc hội-đàm gần đây, tuy ngẫu nhiên nhưng vô cùng thân mật, tôi được làm quen với Tiên-sinh và trên địa-hạt văn-chương, chúng tôi như đã gần gũi nhau nhiều. Tôi khâm phục tài học-vấn uyên-súc của Tiên-sinh chẳng phải vì đối với tôi, Tiên-sinh là bậc thầy thân mến mà thôi, mà chính ở chỗ Tiên-sinh là người đã dày công trong công việc tìm tòi, nghiên-cứu các áng văn hay của đất nước mà chưa mấy người được biết

Bài « Tần cung-nữ oán Bài-công » là một trong những áng văn ấy, tôi hân hạnh được Tiên-sinh cho xem bản thảo có chú thích rõ ràng. Bởi vì Tiên-sinh biết cách đây 15 năm tôi đã có dịp sao lục, chú-dẫn và xuất-bản áng văn ấy, nên Tiên-sinh muốn giao tôi so sánh hai công-trình. Thật ra, như tôi đã thưa cùng Tiên-sinh, áng văn ấy được xuất-bản là vì năm 1933 Cụ Phác-trung-Ngọc (bạn của cụ Huỳnh-thúc-Kháng) có nhờ nhà in Tiếng-Dân xuất bản áng-văn ấy với nhan-đề là Tần-cung-oán, có lời chú-dẫn. Tôi đọc kỹ tập ấy và nhận thấy còn thiếu sót nhiều câu, lại có lắm chỗ sai lầm (do sự tam sao thất bổn) nên qua năm sau tôi cho xuất-bản tập « Tần cung-nữ oán Bài-công văn ». Công việc của tôi chỉ là một công-việc nhỏ nhặt, bổ khuyết vào những sự thiếu sót nói trên vẫn chưa được chu đáo trong lời dẫn giải và chú thích như của Vân-Bình Tiên-sinh.

Một điểm hiện nay tôi còn phân-vân là đời tư của tác-giả. Không có bộ sách nào biên-chép rõ ràng hơn, ngoài bộ « Đại-Nam liệt truyện ». Đọc lại đoạn tiểu-sử sau này của tác-giả, chúng ta nhận thấy trong ấy có sự bất công đối với Cụ Đặng-trần-Thường : lời văn đã diễn tả nỗi lòng u-uất của thi nhân. Sự u-uất nọ phải chăng là do hoàn-cảnh xã-hội lúc bấy giờ tạo thành ? Trong hàng ngũ quan-liêu, đầy dẫy hạng người tham quyền cố vị. Cụ Đặng-trần-Thường có lẽ là một trong những nạn-nhân của chế độ ấy. Thi-nhân vì mình như một cung-nữ. Lời oán thống thiết của mỹ-nhân bị hất hủi, mặc dầu đã phải nén lòng hiến thân cho người mới. Hất hủi do sự ghen tha của kẻ mới. Nếu câu thơ :

> Nào thuở trước, núp rừng cây, nghe lạc ngựa, thấp-thoáng bóng dù dạng kiệu, những than dài chí cả trượng-phu,
>
> Mà bây giờ, ngồi lầu ngọc, ngắm tranh người, xôn-xao trên nệm dưới màn, lại làm nghễnh ngôi cao hoàng-đế !

làm bằng-chứng để buộc tội thì thiết-nghĩ cũng oan-tình cho thi-nhân. Chúng ta hãy gác một bên nỗi hoạn-lộ dáng phiền của Đặng Tiên-sinh mà chỉ biết rằng với một áng-văn kiệt tác như « Tần cung-nữ oán Bái-công », thi-nhân phải được giữ một địa-vị khả quan trên văn-đàn đất nước.

Vĩ-Dạ, ngày 15 tháng 9 năm 1949

ƯNG-TRUNG

TIỂU-SỬ CỦA ĐẶNG-TRẦN-THƯỜNG

TIÊN-SINH

(Viết theo Đại-Nam chánh biên liệt truyện)

Đặng-trần-Thường người tỉnh Sơn-Nam (tức là Nam-Định) phủ Chương-Đức, dòng dõi Đặng-đình-Huấn, quan Tham tụng đời Lê.

Thường học rộng tài cao, thi đỗ chức Sanh Đồ đời Lê.

Trong lúc Lê bị Tây-Sơn cướp ngôi, có nhiều người trước làm tôi Lê, nay làm quan Tây-Sơn.

Thường nguyên trước quen biết với Ngô-Nhâm, người huyện Thanh-Oai. Khi Nhâm lại làm Thượng thư bộ Binh triều Tây-Sơn, Thường năng đến thăm, cùng nhau nói việc đời :

Nhâm nói rằng : « Người quân tử quí-hồ rõ lẽ thông biến, mới làm nên công nghiệp ; bằng như cứ tự lượng mình là kẻ thất-phu thì có ích gì ».

Nhâm lại lấy đẳng cấp và oai thế mà lấn hiếp Thường. Thường đứng dậy rũ áo ra về. Về nói với người nhà rằng : « Để coi, rồi đây ta giết thằng giặc ấy ».

Từ đó Thường sinh lòng xa chạy cao bay.

Mùa đông năm Quý-Sửu, nhân gặp Nguyễn-đình-Dần ở Gia-Định về Bắc chiêu tập kẻ hào kiệt ; thì Thường cùng

với bọn Nguyễn-bá-Xuyến đi ghe vào Nam, đến Diên-Khánh, ra mắt Hoàng-tử-Cảnh, được cấp lộ phí vào Nam.

Mùa xuân năm Giáp-Dần đến cửa Cần-Giờ, cậy người dâng biểu ; Vua xem lấy làm kỳ tài, đòi vào chầu. Thường đối tàu đối rất xứng đáng nên đã được vua dùng. Khi đã được dụng, Thường tỏ lòng cảm ân, phấn chí.

Vừa khi giặc Tây-Sơn đánh Diên-Khánh, vua đem binh đến cứu viện. Thường theo vua trù hoạch lắm phương kế hay. Khi về được thăng Tham-tri bộ Lại.

Mùa đông năm ấy giặc lại đánh Diên-Khánh. Thường lại theo Nguyễn-văn-Thành, điều bát, đem các đạo binh cứu viện.

Qua năm Ất Mão Thường làm chức Khâm-Sai tán lý quân vụ, theo quan Tiền Quân Tôn-thất-Hội trù hoạch các cơ lược trong quân.

Mùa Xuân năm Bính-Thìn, Thường lại đổi làm chức Hiệp-Trấn Diên-Khánh, theo Đại-tướng Nguyễn-hoàng-Đức, Phó-tướng Nguyễn-văn-Lượng. Hai vị nầy mỗi khi có ý gì trái ngược nhau, nhờ Thường điều giải mới được hòa hiệp. Thường thu xếp việc binh-dân, sắp đặt sự biên phòng rất đắc lực nên Thường đã được thăng chức Hiệp-Quản tiền-phong dinh tướng sĩ.

Năm Kỷ-Mùi, Vua thân chinh đến Qui-nhơn, Thường lại theo Nguyễn-văn-Thành điều bát, đánh một trận tại đèn Hội-An là nơi giặc đã đánh trước. Thường, đã hết sức chống cự, giặc phải thua chạy, bắt được mười ba thớt voi (Chiến tượng) đuổi giặc đến cầu Tân-An lại theo đại binh đến đánh thành Qui-Nhơn rồi hạ lệnh « Cần-sự » cho quân nghỉ.

Về sau khi thành Bình-Định bị vây, dù có quân cứu viện cũng chưa giải vây được, thì Thường đã nghĩ được

mưu rằng (Theo binh pháp ; nên bỏ nơi cứng đánh nơi mềm là không phương sách nào hay hơn). — là ra đánh Phú-Xuân.

Bèn đem kế ấy sai người ra nói với Lê văn - Duyệt rằng : « Nay bỏ Bình-Định mà đánh Phú-Xuân là nước « thí xe » trong phép đánh cờ tướng, Duyệt lấy làm phải.

Năm Tân-dậu Vua đem binh đánh lấy thành Phú-Xuân, mùa Thu năm ấy, tướng Tây-Sơn là Nguyễn-quang-Toản, vào đánh Phú-Xuân ; Vua được tin bèn đòi Thường ra Kinh, liền đem đạo binh của Thường coi cùng quan Tham biện Nhung Vụ Nguyễn-văn-Thường ra cự giặc tại Đồng-Hới.

Năm Nhâm-Tuất, Gia-Long nguyên-niên, quân ta ra đánh miền Bắc, quanh vùng Hương-Sơn, La - Sơn, gọi là « Kỳ-Binh », đánh lấy Nghệ-An mà lãnh chức trấn thủ, ra đánh lấy Bắc-Thành.

Khi Vua trú tất thành Thăng-Long, Thường vâng mệnh đến chầu ở Cung Hành — tại ; đến khi hồi loan Thường lại lãnh chức Binh-Bộ mà lưu-thủ Bắc-Thành.

Năm Qúi-Hợi, quan Tây - Sơn là Ngô-Nhâm và Phan huy Ích, Nguyễn gia Thiên về Kinh-đô đầu thú. Thường dâng sớ tâu rằng : « Bọn ấy thần đã làm tôi Lê, lại nỡ lòng làm quan với Tây-Sơn. Chúng tôi nghĩ tội bọn ấy lớn hơn hết, nếu không giết thì lấy gì để răn đe về sau, » bèn đưa đến để Nguyễn - văn - Thành nghị tội.

Thành lại tâu bọn ấy tội đáng chém, nhưng đã làm quan với Tây-Sơn mà lại ra thú thì tha tội, vì trước có lời chiếu vua ban như vậy, thì không nên thất tín bèn đem bọn ấy đánh đòn trước Văn - Miếu rồi cho về.

Lúc bấy giờ ba người chịu đòn, mà chỉ một Ngô Nhâm chết : ấy do Thường xui, (vì lúc trước oai hiếp và nói những lời xúc ý Thường.)

Năm Mậu-Thìn thứ bảy, Thường làm chức Tổng-lý Đê-chánh (việc đắp đê) ở Bắc-Thành.

Mùa thu năm Kỷ-Tỵ, lại triệu về Kinh làm chức Thượng-thơ, rồi lại về Bắc-Thành coi việc Binh.

Mùa đông năm Canh-Ngọ thứ chín, lại gọi về lãnh Kinh-chức.

Thường trước kia cùng với Lê-Chất có hiềm khích, khi Chất được phong chức Quận-Công, Thường nói với người ta rằng : « Nếu Chất được phong Quận-Công thì bọn ta làm đến mười Quận-Công. » Có người mách câu ấy lại, Chất nghe căm hờn, nhưng vẫn nén dạ.

Mãi đến khi Chất ra trấn Bắc-Thành, nghe Thường trong khi khai sắc-thần đã giấu tội Hoàng-ngũ-Phước vào xâm lược miền Nam, mà đem tên vào hạng tự-điền ; lại lấy tên những người thân mà khai gian cho vào hạng Phước-Thần, đồng lòng với Lễ-bộ Tham-tri là Nguyễn-gia-Cát mạo cấp sắc phong.

Khi Chất đã phát giác sự ấy, thì Đặng-trần-Thường dâng sớ xin chịu tội. Vua Gia-Long phán rằng « bọn nầy khinh người dối thần, sự ấy làm được thì sự gì lại không làm được ; » bèn phê Bộ-Hình nghị tội. Thì Đặng-trần-Thường và Nguyễn-gia-Cát đều bị tội trảm-giam-hậu (tội chém, nhưng còn giam để chờ xét) Rồi lại được tha mà phải ở Kinh.

Chất lại tâu: Khi Thường ở Bắc-Thành hay làm nhiều điều bất-pháp, ức chiếm đầm-ao, đặt thuế lệ đinh-điền; lại xin vua trị tội. Khi ấy Thường phải bị tử tội.

* * *

Khi Đặng tiên-sinh ở ngục, thì uống rượu ly-bì và nói lắm lời thâm chạ, dùng quốc-âm làm bài Vương-tôn-phú, tự ví mình với Hàn-Tín ; và bài Tần cung-nữ oán Bái

Bái-công văn, lời lẽ có ý oán-vọng, nên trong khi đình-thẩm tội Đặng tiên-sinh thì nghị tội đáng giết.

Năm Bính-tý Niên-hiệu Gia-Long thứ 15, Đặng-trần-Thường tiên-sinh bị tội giáo (Thắt cổ) và tịch hết gia-sản.

Tội Đặng-trần-Thường về sau năm Thiệu-trị, đã được quan Đông-các Trương-đăng-Quế tâu xin chiêu-tuyết một lần với các công-thần trước cùng tùng long (theo vua) bị tội oan như Lê-văn-Duyệt, Lê-Chất vân vân...

Vân-bình TÔN-THẤT-LƯƠNG

LỜI LƯỚC TỪ

NGUYÊN DO SỰ THỰC MÀ ĐẶNG-TRẦN-THƯỜNG TIÊN-SINH ĐÃ DÙNG ĐỂ THÁT-TỪ LÀM BÀI

TẦN CUNG-NỮ OÁN BÁI-CÔNG VĂN

Bài « Tần Cung-Nữ Oán Bái-Công văn » nầy là Đặng-trần-Thường Tiên-sinh dùng một đoạn Sử-ký Hán-Cao-Tổ (Bái-Công) mà viết ra, mượn Cung Nữ nhà Tần để tả nỗi tình uất hận của mình.

Trước khi xem văn ấy nên biết rằng nguyên vua Thủy-Hoàng nhà Tần (221 Tiền) đã đánh diệt sáu nước ở Trung-quốc bây giờ là Hán 韓, Triệu 趙 Sở 楚, Ngụy 魏, Yên 燕. Tề 齊, thì tự xưng là Thủy-Hoàng-Đế 始皇帝 và tự xưng mình là Trẫm 朕. Lại định sự kế thống về sau từ nhị thế 二世; Tam thế 三世 cho đến bách thiên vạn thế 百千萬世; chia thiên hạ ra làm 36 quận thu hết binh khí trong thiên hạ để đúc thành chuông, vạc và tượng và theo lời Thừa Tướng là Lý-Tư, đốt sách, chôn học trò, đắp một cái thành dài để ngăn rợ Hồ gọi là Vạn Lý trường thành; sai 300 đồng-nam, đồng nữ đi cầu thuốc trường sanh ở Đông-Hải.

Thủy-Hoàng lại đi tuần du miền đông, chưa kịp cầu được thuốc Trường-sanh thì đã bị bệnh băng tại Sa-kỳ.

Triệu-Cao là hoạn quan (quan giám) mưu với Thừa Tướng Lý-Tư trái mạng Thủy-Hoàng, không phát tang, giết Hoàng trưởng Tử là Phò-Tô 扶蘇, lập con thứ là Hồ-Hợi 胡亥, hiệu là Tần-Nhị-Thế 秦二世 được ba năm. Triệu-Cao 趙高 lại mưu giết Hồ-Hợi và Thừa-Tướng Lý-Tư và lập con Phò-Tô là Tử-Anh bỏ hiệu đế mà xưng Vương, và khi ấy mới phát tang, táng Thủy-Hoàng tại núi Ly-Sơn 驪山 và làm nhiều sự xa xỷ tàn hại, nên các nước Chư-Hầu không chịu, nổi dậy đánh Tần.

Tử-Anh lên ngôi 46 ngày thì bị mất nước, đầu hàng Hán-Vương Hán-Cao-Tổ (tức Bái-Công).

Sự nguyên-do Tần mất nước là trong khoảng hai năm cuối đời Tần-Thủy-Hoàng (năm thứ 36) và 3 năm Tần-nhị-Thế, thì Bái-Công và Hạng-Vũ (沛公項羽)chung sức đánh Tần, cùng ước với nhau rằng : Nếu ai vào đất Hàm-Dương 咸陽 (tức đô nhà Tần) thì được xưng Vương trước. Song Bái-Công vào Hàm-Dương trước, Tần-Vương Tử-Anh đầu hàng xong thì Bái-Công niêm kho tàng, khóa cung thất của Tần mà kéo quân về Bá-Thượng và sai quân đóng giữ cửa Hàm-Cốc-Quan.

Hạng-Vũ khi đánh dẹp đã yên cõi Hà-Bắc 河北, chôn sống quân Tần hơn 20 vạn, rồi kéo quân đến Hàm-Quan (tức là Hàm-Cốc-Quan) bị quân Bái-Công đóng giữ, cửa quan đóng vào không được; lại nghe lời đồn huyễn rằng Bái-Công đã vào trước Hàm-dương thu hết bữu ngọc và phụ-nữ của Tần và tự xưng Vương.

Hạng-Vũ tức giận, bèn đánh phá cửa Hàm-quan, kéo binh vào đóng tại Hý-đồng-Môn hơn 40 vạn, mà Bái-Công chỉ có 10 vạn đóng ở Bá-Thượng.

Trong khi Hạng-Vũ có ý bất-bình với Bái-Công thì định đánh Bái-Công, Hạng-Bá là chú Hạng-Vũ biết ý ấy, và

nguyên có bạn thân của Bá là Trương-Lương là mưu thần của Bái-Công, sợ Lương cùng chết lây, nửa đêm đến tin cho Lương biết và rủ Lương cùng đi lánh nạn. Lương không chịu đi bảo rằng đi là bất nghĩa. Và Lương tin sự ấy với Bái-Công hay lại bàn với Bái-Công nên cáy Hạng-Bá nói giùm với Hạng-Vũ rằng Bái-Công không có ý phản Hạng-Vũ vì tuy Công vào Hàm-Quan trước mà không phạm đến mảy may của Tần v.v... Hạng-Bá nghe vàng lời, và khiến Bái-Công nên đến tạ lỗi với Hạng-Vũ.

Khi Bái-Công đến tạ lỗi thì Hạng-Vũ nghe lời và cũng tin rằng Bái-Công không có ý thất ước và phản bội, nên mời Bái-Công ở lại dự tiệc tại Hồng-Môn (Hồng Môn hội ẩm).

Trong khi ăn tiệc, Phạm-Tăng là quân sư Hạng-Vũ biết quả tình Bái-Công không thật, chẳng qua là thấy Hạng Vũ có sức mạnh hơn mình nên giả tới tạ lỗi, nên định giết Bái Công giữa tiệc bằng một ám hiệu là lấy tay dở hòn ngọc « quyết » 玦 lên cao để ra lệnh hại Bái-Công song Phạm Tăng dở ngọc quyết đã mấy lần mà Hạng Vũ không đồng ý.

Phạm Tăng biết Vũ không muốn giết Bái-Công nhưng tự nghĩ tất phải giết mới thành sự : nên đã gọi Hạng Trang vào giả múa kiếm chúc thọ rồi nhân tiện giết luôn Bái-Công giữa tiệc.

Vậy khi Hạng-Trang vào xin chúc thọ và múa gươm thì Hạng-Bá biết ý nên cũng giả múa gươm để che đỡ cho Bái-Công.

Trương-Lương thấy có cơ nguy, liền ra gọi Phàn Khôi vào để cứu cấp Bái-Công. Phàn-Khôi liền mang gươm và mộc vào, trợn mắt nhìn Hạng-Vũ. Hạng-Vũ hỏi, rồi khen tráng-sĩ, cho rượu và đùi thịt lợn sống và mời ngồi nói chuyện...

Bái-Công biết ý già say rồi lén ra về, để hai vật tặng hảo lại khiến Trương-Lương đem tặng cho Hạng-Vũ và Phạm Tăng, (hai vật là hai hòn ngọc Bích và hai đấu rượu bằng ngọc) Lương đem hai vật tặng hảo dàng thì Hạng-Vũ nhận ngọc Bích, Phạm-Tăng lấy cái đấu ngọc xuống, lấy gươm chém bể tan rồi nói: Cướp thiên hạ là Bái-Công đó...»

Quả thật như lời Phạm-Tăng đã nói.

Từ đó về sau Bái-Công chiêu tập chư hầu hơn năm mươi vạn quân sĩ đến miền đông để đánh Hạng-Vũ (Sở) hai bên đánh nhau giằng co đã năm năm rồi rốt cùng Hạng Vũ phải thua và tự tử tại bến sông Ô-Giang mà Hán Cao Tổ (Bái-Công) nhứt thống thiên hạ.

Cung A-Phòng 阿房 và Cung-Nữ

A-Phòng là tên núi. Nhân đó mà đặt tên Cung. (tại xứ Hàm-Dương 咸陽. Kiến trúc năm thứ 35 đời Tần-Thủy-Hoàng. Khi kiến trúc xong rồi thì Thủy-Hoàng băng.

Bài « A-Phòng Cung-phú » của Đỗ-Mục 杜牧 tiên sanh làm, tả cảnh cung ấy đại lược rằng : Bề dài hơn trăm dặm, bề rộng năm mươi thước. Cao lớn đồ sộ che tới bóng mặt trời, lâu đài cung điện liên tiếp nhau năm bước một cái lầu, mười bước một cái các ; cung ấy có thể dung được mười nghìn người ở. Quanh co theo thế núi bờ sông mà xày dựng cung điện lắm kiểu mẫu lạ lùng ; lại có cầu dài bắt trên hai con sông « PHÀN » và « VỊ » và những con đường gác trên không gọi là Phúc-đạo 複道 xem rất tráng lệ ; cầu như con rồng nằm trên mặt nước, đường như cái mống mọc ngang lưng trời. Tiếng xe n gựa đi rầm rầm như sấm dậy. Hương xông xạ đốt như mây mù, gương soi của cung nữ lấp lánh như sao ; Tiếng đàn địch ca vang xòn xao như đông chợ. thật là

đến một cung điện tuyệt đẹp nhứt từ xưa nay chưa có bao giờ.

Cung nữ đông nhiều đến 3, 4 nghìn người má phấn môi son, song có người ở trong cung 36 năm mà chưa hề thấy mặt vua một lần nào. Còn tổn phí tài sản kiến-trúc không biết mấy trăm nghìn vạn.

Thủy-Hoàng đã xa xỉ như thế, lại còn hà khắc làm lắm điều cường bạo quyền thế quá đáng. Cho nên người sáu nước phẫn uất phải đánh Tần mà diệt vong.

Về sau cung A-Phòng bị Hạng-Vũ đốt cháy, ngọn lửa cháy đến ba tháng chưa tắt.

SỰ THÁT TỪ CỦA ĐẶNG-TRẦN-THƯỜNG TIÊN-SINH ĐỂ VIẾT BÀI « TẦN CUNG-NỮ OÁN BÁI-CÔNG VĂN »

Đã gọi là thát-từ 托辭 mượn lời mà đặt chuyện, thì phải tìm một duyên cớ gì có thực tế để dựa vào đó mà tả nỗi bất bình. Sự ấy các tao nhân mặc khách đã thường dùng như để gọi là « Cung Oán » (sự oán hận của Cung-nữ. « Khuê Oán » (sự oán hận của người đàn bà vắng chồng). « Cổ Ý » (ý xưa, cũng về mặt oán vọng nỗi riêng). « Vô đề » (không có đề để muốn tỏ nỗi riêng của mình đã hoài bão mà không nói rõ được vân vân...

Bởi những ý tứ ấy mà Đặng-trần-Thường tiên-sinh muốn mượn lời cung-nữ Tần nhân khi Bái-Công vào Cung Tần thấy phụ-nữ và châu báu đã muốn dùng nhưng bị hai vị Mưu-thần là Trương-Lương Phàn-Khói can ngăn nên Bái-Công nghe lời mà kéo quân về đóng Bá-Thượng,

mượn cớ ấy mà bảo rằng Cung-nữ Tần oán Bái-Công sao lại nghe lời dèm pha mà đành bỏ Cung-nữ, v. v...

Ấy là một lối mượn lời mà bịa chuyện, chớ Cung-nữ Tần đâu có oán Bái-Công bao giờ.

Như vậy thì sau khi đã đọc tiểu-sử Đặng-Trần-Thường tiên-sinh thì biết tiên-sinh có công lớn với Nguyễn Triều mà có lỗi nhỏ đối với sự «khinh người dối thầu» mà bị tử tội. Cho nên về sau khi đã chết cũng được ân vua chiêu tuyết. Vậy thì lời thát-từ chính là ở nơi sự phẫn uất và oan-khiên vậy.

PHÀM-LỆ

Bài « Tần Cung-Nữ oán Bái-Công văn » sau nầy đã chép ra hai lần :

Lần đầu chép toàn bài và điền thêm chữ Hán xen lẫn với câu văn để khi đọc cho được một hơi thông suốt và rõ những chữ Hán đã dùng.

Lần thứ hai chép ra từng đoạn những câu theo điệu biền-ngẫu đi đôi với nhau, và thêm lời diễn-giải lẫn xen vào, làm cho người đọc đến sẽ hiểu thấu một cách tỏ tường cả nghĩa và ý của tác-giả đã dùng làm câu văn. Theo sau những câu ấy lại thêm lời chú-giải điển-tích đã dùng trong những câu văn ấy.

Những điển tích đã chú-giải rất đầy đủ cả âm, tự, nghĩa khiến người đọc không còn thiếu phần giảng cầu thêm Vì tôi thường thấy các học sanh đã dùng những tập văn nòm có chú giải đến cậy tôi giải nghĩa lại cho được hiểu thêm, bởi thiếu điều giảng cầu họ cần biết,

TẦN CUNG-NỮ OÁN
BÁI-CÔNG VĂN

Bài văn Cung-Nữ nhà Tần oán ông Bái-Công
(điện biền - ngẫn)

Có 43 câu đôi, thành 86 câu chiếc, hai vế đối nhau

Tác-giả : ĐẶNG-TRẦN-THƯỜNG 鄧陳常先生
Chú-giải-giả : TÔN-THẤT-LƯƠNG *(Vân-Bình cư-sĩ)*

Câu 1 : Sương tỏa cung A 阿
Mây lồng đồn Bá 霸

— 2 : Xuân-tín 春信 bổng nhẻ cùng điệp sứ 蝶使
Phương - tâm 芳心 đành thẹn với long nhan ; 龍顏

— 3 : Nếu tuổi xanh chửa nhuốm bụi hồng, chiếc ngư-phủ 漁父 đã đưa vào động bích.
Bởi má phấn thường đeo phận bạc, tơ nguyệt-ông nên dắt lại lầu son.

— 4 : Vẻ vang chi một tiếng cung-nhân 宮人
Ngao ngán cả mươi nguyên thất-nữ 室女

— 5 : Cầu Hồng 虹 dậm tiếng hài 鞋
tợ sấm, xô bồ dưới nguyệt gót kim liên 金蓮
Các phụng 鳳 chen bóng bội 佩 dường mây, lấp lánh trong gương da bạch ngọc. 白玉

Câu 6 : Đài loan 鸞 nọ thôi cười với bóng,
Nệm túy 翠 kia lại ngủ cùng hoa,

— 7 : Nét mày xanh từ cái lá cũng ghen, câu khiến hứng 遣興 đánh chìm giòng nước chảy.
Lằn môi thắm đến con chim cũng ghét, giấc thừa ân 承恩 dật nỗi bóng trăng tà.

— 8 : Gẫm nhân-duyên thường rơi nước mắt thầm ;
Nghe thế sự thêm đổ mồ hôi trộm.

— 9 : Cung Vị-thủy 渭水 lúc nỉ non tiếng rế,
trướng thu phong 秋風 lạc bậc quản-huyền xưa

Cửa Hàm - quan 咸淵 khi chói lói ngọn đào,
rèm tà nguyệt 斜月 ố màu la-ỷ 羅綺 cũ.

— 10 : Quá ngán nỗi : cửa Bạch-Câu 白駒 (1) một nhoáng
Ngậm ngùi thay : tranh Vân-Cẩu 雲狗 trăm hình : (thương cẩu)

— 11 : Con hươu Bách nhị 百二 lạc loài đâu ? hoa cỏ ủ ê vườn Thượng - Uyển 上苑
Cái én Tam - thiên 三千 ngơ ngẩn đấy ! mây mưa bát-ngát đỉnh Vu-phong 巫峰

— 12 : Tuyết đã phơi mái tóc kim sanh 今生
Rum đâu nhuốm mối tơ lai-thế 來世

— 13 : Ví thân đã lây hương cấm-dịch 禁液, cỏ Ly-Sơn 驪山 đành lấp tóc da rồi.
Tưởng duyên còn quén lá ngự-câu 御溝 trăng.
Vị-thủy 渭水 hãy cầm hình bóng lại.

— 14 : Níp ngọc nữ 玉女 sương còn êm đóng,
Tiếng chân nhân 真人 gió đã xa đưa ;

---

(1) Chữ Vân cẩu cũng như Thương-Cẩu, vì Bạch 白 trắng đối Thương 蒼 xanh.

Câu 15 : Dòng Đào Đường 陶堂 róc-rách xuống sông.
Lưu 瀏 , mẹ rắn khóc bên đường nghe cũng thảm !
Mây Mang-Đản 芒碭 chần vần về đất Bái,
Chị Trĩ theo trong núi nghĩ mà thương :

— 16 :Thấy bóng cờ ai chẳng rượu dê mừng :
Nghe tiếng lạc dâu không đàn sáo rước.

— 17 : Bên chỉ-đạo xe vôi ngựa phấn, dòm thấy
lòng bất nhẫn 不忍 những thì thầm,

Trước kim-lâu 金樓 xiêm bụi áo bùn, vâng biết
ý dục lưu 欲留 mà khép nép.

— 18 : Xem khí sắc 氣色 đã nên năm vẻ.
Tưởng cơ duyên 機緣 hẳn trọn ba sinh.

— 19 : Bất kỳ 不期 may gặp hội rồng mây, âu lửa bén
hương lây cho đáng số.
Giải-cấu 邂逅 rủi nhằm hơi khỉ tắm, nỡ hoa trôi
nước chảy cũng oan tình.

— 20 : Hẳn quan - gia 官家 mà thực dạ ái-nhân
Thì Thánh-thế 聖世 nỡ để ai oán nữ

— 21 : Âu-ca 謳歌 thuở về cùng Thuấn, Võ 舜禹 Cao
dao 皐陶 Hậu-tắc 后稷 nào ngăn ?
Huyền-hoàng 玄黃 khi lại với Thang, Văn 湯文
Y-Doãn 伊尹 Châu-Công 周公 há cấm ?

Câu 22 : Sao trong trướng chưa chút chi mát mặt ?
Mà ngoài sân đà lắm tiếng oi tai ?

— 23 : Ngao ngán thay nắng chẳng thương hoa ?
Ghê gớm bấy mây nào xót nguyệt !

— 24 : Ngọn xích xỷ 赤幟 ùn ùn về Bá-Thượng 霸上 hoa trôi, nước chảy, lạt lẽo thay tình !
Má Lam-điền 藍田 dượi dượi để Quan - trung 關中 phấn rũ hương phai, bẽ-bàng bấy phận !

25 : Nín thời những đeo sầu ngậm tủi,
Nói ra dường ép giấu nài yêu ;

26 : Trật bánh xe là bởi tội Lý - Tư 李斯 nào ai đem nhứt tiếu khuynh thành 一笑傾城 : mà dượng Võ 武 gọi vong Tần 亡秦 cho đáng.
Dơ roi ngựa ấy nức danh Châu-Hậu 周后 lấy ai đủ thập thần trị quốc 十臣治國 mà thầy Nho 儒 rằng trợ Kiệt 助桀 nên tin.

27 : Trọn con ngươi không gẫm cuộc tang thương 桑滄
Uốn cái lưỡi những dày duyên phấn đại 粉黛

— 28 : Mặt bán thịt mới mua duyên năm nọ, chẳng qua bênh dì nó đánh ghen thay ;
Gan cắp dùi làm mất vía ngày xưa cũng vì bởi chúa mình lây giận mãi.

— 29 : Sức bao nả cũng lao lư dưới bệ ?
Trung với ai mà thỏ thẻ bên màn ?

THƯ VIỆN HÀ NỘI
VHV3457

Câu 30 : Có chăng loài bảo-ngọc 寶玉 mê tình, ngăn giọt giải phú-ông 富翁 cũng phải.

Nào những kẻ hương-hoa 香花 chức phận, nỡ dứt lòng du-tử 遊子 cho cam ?

— 31 : Thuở đông cư 東居 lòng sở-háo sao chìu 所好

Nay tây nhập 西入 sức hữu-vi lại cấm 有爲

— 32 : Một là bởi dựt mình oai chín quận, phải lánh ra đành để tướng-quân 將軍 vào.

Hai là toan theo dấu thú năm hồ, để dành lại lần đem Tây-Tử bước 西子

— 33 : Đã đắng nghét một liều thuốc độc,
Lại chua le ba tấc lưỡi mềm.

— 34 : Bởi lẻ loi vì phận khách bềnh bồng 沛蓬, lần kim-giáp 金甲 để hơi hương chẳng thấu.

Ví may mắn như duyên ai kỳ trửu 耆耇, dặng bích-y 碧衣 chi chút bụi nào rơi.

— 35 : Lượng bao-dung 包容 dù quyết hẹp hòi.
Tứ minh-đạt 明達 có đâu lầm lỗi.

— 36 : Nào những thuở núp rừng cây nghe lạc ngựa, thấp thoáng bóng dù dạng kiệu, những than thầm : chí cả trượng-phu. 丈夫

Đến bây giờ ngồi lầu ngọc ngắm tranh người, xôn xao trên nệm dưới màn, lại làm sỉnh ngôi sang Hoàng-đế. 皇帝

— 37 : Tuy, cách mặt khách còn lạ khách ;
Nhưng soi gương mình vốn yêu mình.

Câu 38 : Gượng làm màu hiếu sắc 好色 ngày xưa, thì, nầy chí bất-tiểu 不小 ai dòm, mắt nào sắc cũng không cơ cất ngọc.

Chi đến nỗi kết duyên đêm quạnh, song, mà ý tại trung 在中 có bức, tay nầy mềm còn hơn kẻ che gươm.

— 39 : Gương trong đuốc rạng mặc lòng trên ;
Cỏ mọn hoa hèn đành phận dưới.

— 40 ; Nơi hang giá ví hơi dương đã thấu, thì trong nước ai không thần thiếp 臣妾, lọ phòng-tiêu cung-quế mới vui lòng.

Chốn non kinh dù vẻ ngọc mà lầm, thì dưới trời đâu chẳng giang-sơn, về cửa cỏ lều tranh cho mát mặt.

— 41 : Âu là cũng tiếc chung mới nói,
Há dám rằng giận lẻ mà kêu.

— 42 : Đừng khiếp nơi năm bước một lầu, song nghĩ thành kia nghiêng thì đỡ, nước kia lở thì nâng, khó chi vận ngũ-hưng 王興 tay thánh-chúa 聖主

Xin gác nỗi một cười nghìn lượng, dám khoe canh nầy vụng nhưng quen, rượu nầy quê nhưng thuộc, dễ có đâu tái-đắc 再得 mặt giai - nhân 佳人

— 43 : Xin chớ cười lời khách kiều-nghiêu 嬌嬈
Cùng gởi lạy đức ông hoát-đạt 豁達

Lời giải-tự 解序 và tiên-sớ 箋疏

Bài văn này là tác-giả thát ý mượn lời các cung nữ nhà Tần oán ông Bái-Công (Hán-cao-Tổ Lưu-Ban) để oán trách vua Gia-Long và nũng nhiếc các ông tôi cận thần của ngài đã lấy lời siểm nịnh làm cho mình phải chịu tội oan ức.

Lời văn rất công-chỉnh và điêu-khắc ; khôn khéo vô-cùng, thật đã nên một tác-phẩm cao, một tài-tình lạ.

Nay muốn đem tác-phẩm ấy làm cho phổ-thông, thì đã có nhiều người giải nghĩa, song vẫn thấy còn sai và xuyên tạc lắm lời vô lý, không đúng với sự thật đã chép ở Sử-Ký (Hán-cao-Tổ) và Tần-thủy-Hoàng.

Vậy theo đây tôi sẽ thêm lời giải-tự và tiên-sớ suốt đầu đuôi 43 câu biền ngẫu thành một đoạn văn xuôi kể tình tường theo từng đoạn lạc, khiến cho độc-giả thông hiểu quán-xuyến nghĩa-lý và ý-tứ câu văn-còn những điển-tích dùng trong câu văn lại chú-thích riêng ở dưới.

Mong rằng độc-giả chư-tôn nên thong thả vừa đọc vừa xét suy tường tất sẽ thấy áng quốc-văn của ta chẳng kém gì những bài văn của những nhà đại-danh người Trung-Hoa ở các bài cổ-văn vậy.

T. T. L.

Tần Cung-Nữ oán Bái-Công văn

(Chia ra từng câu và từng đoạn lạc để phụ lời giải tự và tiên chú)

1°) Sương tỏa cung A (1)
Mây lồng đồn Bá (2)

Hai câu nầy chỉ cái triệu suy-vong nhà Tần và hưng-thịnh nhà Hán : Cung A là cung A-Phòng của nhà Tần. Sương tỏa là sương mù đã đóng lấp.

Cung A–Phòng sương đã đóng lấp là triệu chứng suy vong.

Đồn Bá là nơi Bái-Công hưng khởi. Mây lồng là mây ngũ sắc đã lồng lên bao trên không ở đồn Bá–Thượng, là triệu Bái-Công đã hưng khởi.

CHÚ - THÍCH :

(1) A phòng Cung 阿房宮 là một tòa cung thất rất đồ sộ tại Đô Hàm-Dương 咸陽A là eo núi. Phòng là nơi ở, Cung ấy làm xong thì Tần–thủy-Hoàng băng. Nên chưa kịp đặt tên. Cung ấy rộng có thể dung được muôn người. Cách cấu tạo cực kỳ tráng lệ. Sau bị Hạng-Vũ đốt cháy, ba tháng lửa chưa tàn. Có bài phú A-phòng-Cung của Đỗ-Mục làm.

(2) Bá-Thượng là tên đất 霸上 tức là Bạch–lộc-Nguyên 白鹿原 ở tỉnh Thiểm-Tây huyện Tràng-An 長安 nước Trung-Hoa.

2) Xuân tín bồng nhe cùng điệp sứ (3),
Phương tâm đành thẹn với long nhan (4).

Hai câu nầy nói khi có tin báo cho biết rằng Bái-Công đã vào đánh Tần đến cửa ải Hàm-Quan thì cung-nữ hổ thẹn mình là một cung-nữ của nhà Tần đã suy vong đối với Bái-công là vua nhà Hán.

Đây dùng lời ví dụ : nói tin xuân khi con bướm đã đem đến cho hoa thì tin xuân tuy là tin vui vẻ mà hoa kia vẫn đem tấm lòng thơm tho mà hổ thẹn. (Điệp sứ ví người đem tin.) Phương tâm là lòng thơm của hoa ví cung-nữ. Long-Nhan, mặt rồng ví Bái-Công. Nhưng ngụ ý Phương-tâm là tác-giả Đặng-trần-Thường vốn tôi nhà Lê. Long nhan là vua Gia-Long, ấy là tôi nhà Lê làm quan nhà Nguyễn có ý thẹn vậy.

CHÚ-THÍCH :

(3) Điệp sứ 蝶使 sứ bướm, nghĩa bóng : con bướm cũng như vị sứ thần của chúa xuân sai thông tin cho các hoa. Cũng như phong-môi 蜂媒 là con ong làm mai dong để đem tin cho hoa vậy.

(4) Long nhan 龍顏 mặt rồng, là chữ xưng diện mạo của Đế-vương, Bái-Công có chữ xưng : Long-Chuẩn, Long-nhan : mặt rồng, mũi rồng, lại có tướng mạo ngũ hưng 五興 5 điều hưng thịnh. — 1') Đế Nghiêu chi duệ 帝堯之裔 giòng giống vua Nghiêu 2') thể mạo đa kỳ dị 體貌多奇異 thể mạo nhiều sự lạ lùng, 2') Thần võ hữu ứng nghiệm 神武有應驗 có điều thần võ ứng nghiệm. 4') Khoan minh nhi nhân thứ 寬明而仁恕 nhơn thứ mà rộng-rãi. 5') Tri nhơn thiện dụng 知人善用 biết người lại khéo dùng người.

3.) *Nếu tuổi xanh chẳng nhuốm bụi hồng,*
chiếc ngư.phủ (5) đã đưa vào Động-Bích (6).

Bởi má phấn thường deo phận bạc, tơ nguyệt ông (7) nên dắt lại lầu son (8).

4) *Vẻ vang chi một tiếng cung nhân, (9)*
Ngao ngán cả mười nguyên thất nữ. (10)

Tiếp theo lời trên, cung-nữ tại than thở rằng : Nếu như khi tuổi còn nhỏ mà không phải là người phàm trần, thì đã theo thuyền ông chài mà vào ở động Đào-Nguyên, đã là thành tiên rồi

Nhưng vì không phải tiên, chánh là người phàm trần, mà lại là làm khách má đào thường deo mang bạc, cho nên đã bị ông nguyệt lão đem sợi tơ buộc chặt phải vào chốn lầu son.

(Hai câu 3, 4, tác' giả tự ví thân đã làm nho sỹ phải đem thân đến chốn công danh).

CHÚ-THÍCH :

(5) (6) Ngư - phủ 杜甫 là ông chài. Động Bích là động Đào-Nguyên 桃源 (nguồn hoa đào) Đời Tấn, tại huyện Võ-Lăng có ông chài chèo thuyền đánh cá theo đọc bờ khe, thấy có cánh hoa đào trên mặt nước ; ngờ rằng người ở miền ấy, chèo thuyền đi mãi đến một nơi có dân cư, ăn mặc theo y phục đời Tần.

Ngư-Phủ hỏi thăm mới biết họ bỏ xứ đi lánh nạn hà khắc vua Tần-thủy-Hoàng đã cách mấy đời rồi. Ngư-phủ về thuật lại với quan Huyện, sau đã 3, 4, lần đi tìm lại mà không được, nên họ ngờ nơi ấy là cảnh tiên ĐộngBích. Đào-nguyên, Nguồn đào-đều một danh tự như nhau.

(7) Nguyệt - ông 月翁 Chàng Vi - Cố 韋固 đời Đường một đêm đi dạo mát gặp ông lão ngồi dưới bóng trăng đỡ sách xem. Cố hỏi xem sách gì ? — đáp rằng : Sách biên nhơn-duyên phu-phụ của thế gian.— Ông lại cho xem một cái dãy trong đựng tơ đỏ mà nói rằng : những người đã được sợi tơ đỏ nầy buộc, và sách nầy chép tên họ thì dù là người thù, dù là người khác chủng tộc cũng kết-duyên vợ chồng.

Ông già ấy không biết tên họ gì. Chỉ biết gặp ông dưới bóng trăng nên gọi là Nguyệt-lảo 月老 ông già dưới trăng. Hoặc gọi là Trăng Già.

8) Lầu son. Hoặc lầu hồng. Chữ Hán gọi là Châu-lâu, 朱樓 Hồng lâu 紅樓 là nơi Cung cấm phú quí.

5) Cầu-Hồng (11) dậm tiếng hài (12) tợ sấm, xô bồ dưới nguyệt gót kim liên (13)

Các-Phụng (14) chen bóng bội (15) dường mây, lấp lánh trong gương da bạch ngọc (16)

CHÚ THÍCH :

9) Cung nhân là người con gái được Vua chọn làm người hầu hạ.

10) Thất Nữ 室女 là người con gái con nhà khuê các chưa chồng.

Mười nguyền thất nữ là những điều nguyện vọng của người chưa chồng thường nguyện được chồng loan vợ phụng, cân lứa vừa đôi, nên cửa nên nhà đông nhiều con cháu vân vân... Chớ mười quyền nầy không thuộc về mười nguyền của đạo Phật.

(11) Cầu Hồng — Chữ gọi Hồng-Kiều 虹橋 Hồng là cái mống — Kiều là cầu. Bài phú A-Phòng có câu : Trường kiều ngọa ba, vị vân hà long ? Phức đạo hành không vị tề hà hồng ? 長橋臥花未雲河龍複道行空未霽何虹

Cầu dài nằm trên sóng, dài như con rồng, sao chưa có mây đã thấy rồng ? Đường bắc ngang đi trên không, như một cái mống hiện ngang trời, sao chưa tạnh mưa đã có mống hiện ? — Ngụ ý ví cầu trên sông và đường trên không đẹp như con rồng nằm trên nước, như mống hiện trên không vậy.

Lý-Bạch có câu thơ : An đắc ngủ thể hồng. Giá thiên tác trường Kiều 安得五彩虹架天作長橋 sao có cái mống năm sắc, bắt ngang trên trời làm cái cầu dài ?

(12) Hài 鞋 là đôi giày.

(13) Kim-liên 金蓮 là hoa sen bằng vàng. Ví chiếc giày của mỹ-nhân.

Đông Hôn Hầu 東昏侯 yêu vợ là Phan-Phi 潘妃 có dáng đi dịu dàng, nên đã khảm hoa sen vàng trên nền Cung điện. Mỗi khi Phan-Phi đi trên điện, Hầu ngắm xem và khen rằng : Bộ bộ sanh liên hoa 步步生蓮花 : bước bước nầy hoa sen. Lại có loài cây bò sát đất có hoa vàng nhụy đỏ, mùa hè nở hoa năm cạnh nhọn lá tròn cũng gọi là Kim-liên-hoa...

6) Đài loan (17) nọ thôi cười với bóng.
Nệm túy (18) kia lại ngủ cùng hoa.

Đoạn nầy Cung Nữ tả cảnh sang quí náo nhiệt ở A Phòng và nỗi lẻ loi ở nơi cung cấm.

Nói rằng riêng một tiếng dậm của gót giày Cung nữ đi trên Cầu Hồng thường vang như sấm và những mảnh ngọc bội của Cung Nữ đeo, bóng che rợp đường như đám mây.

Chị em Cung Nữ tuy đông như thế, nhưng có được Vua Tần yêu thương đâu, chẳng qua đã bị chịu tình cảnh lẻ loi: khi soi gương trang điểm rồi lại chỉ cười với bóng, khi đêm khuya chờ quân vương chẳng tới, lại ngủ bên cụm hoa mà thôi. (chú dẫn về câu 5 và câu 6)

CHÚ THÍCH:

(14) Các-Phụng, nhà gác chim phụng đậu, là nơi lầu các của vua ở.

(15) Bội 佩 là đeo-lại, nghĩa là những mảnh ngọc của mỹ-nhơn. Vương-Bột có câu thơ ở bài phú tự Đằng-Vương:

Bội ngọc minh loan bải ca vũ 佩玉鳴鸞罷歌舞 Tiếng ngọc bội và tiếng lạc-ngựa nay đã vắng trong những cuộc múa hát.

(16) Bạch-Ngọc 白玉 là ngọc trắng, ví với da trắng của con gái. Kinh thi có câu: hữu-nữ như ngọc 有女如玉 có người con gái như ngọc.

(17) Đài-loan. Đài 臺 là cái giá, 鸞 loan là chim loan, Cái giá để gương soi xưa làm hình chim loan.

(18) Nệm túy. Xưa dùng lông chim Phỷ-Túy thêu nệm có sắc lục-kim, nên gọi là túy-bị 翠被 : nệm gấm lông chim Túy dùng ở phòng ngủ đàn bà quý phái.

---

7) Nét mày xanh (19) từ cái lá cũng ghen (20), câu khiển-hứng đánh chim giỏng nước chảy.

Lần môi thắm (21) đến con chim cũng ghét (22) giấc thừa-ân (23) đặt nỗi bóng trăng tà.

8) Gẫm nhân duyên thường rơi nước mắt thầm.
Nghe thế sự thêm đồ mồ hôi trộm.

Cung nữ lại than phiền nỗi bẽ bàng chẳng những tạo hóa ghen ghét mà thôi, cho đến ngọn lá con chim cũng cưu dạ ghen tương ; nào có được thích tình hứng thú như Hàn Phu-nhơn đời vua Hy-Tôn nhà Đường đề thơ trên chiếc lá, thả theo giòng nước ngự câu, như người chinh-phụ đã muốn đánh đuổi chim oanh đừng kêu rầy trong lúc chiêm bao đi thăm chồng ở xứ Liêu-Tây.

Ngọn lá dù có đề câu thơ khiển-hứng, thì nó cũng chìm xuống chẳng chịu trôi đi : Con chim oanh nó cứ kêu rầy không cho trọn giấc mộng thừa-ân trong khi trăng lặn. Bởi vậy mà càng gẫm đến nhơn duyên bao nhiêu càng rơi nước mắt thầm, nghĩ đến thế-sự thêm đồ mồ hôi trộm (Đoạn rầy tác-giả mượn lời cung-nữ mà chỉ bọn nịnh-thần gièm pha mình)

CHÚ THÍCH :

(19) Mày xanh, do chữ Túy my 翠眉 hoặc Đại my 黛眉 vì mỹ-nhân thường dùng màu xanh mà vẽ mày.

(20) Đời Vua Hy-Tôn nhà Đường, có người Vu-Hựu lượm được một ngọn lá đỏ tự trong cung cấm trôi ra, trên có đề bài thơ rằng: Lưu thủy hà thái cấp ; thâm cung tận nhựt nhàn. Ân cần tạ hồng diệp. Viễn khứ đáo nhân gian 流水何太急深宮盡日閑.殷懃謝紅葉遠去到人間 Dịch : Nước chảy đi đâu vội ? Cung thâm rảnh suốt ngày. Ân cần nhờ lá thắm, xa gởi lá thơ nầy,

Vu Hựu lại đề một bài thơ trên lá ấy đem thả trên giòng nước chảy vào cung, thì Hàn Phu-nhơn lượm được. — Về sau mười năm, cung nhân được lệnh cho thải hồi rất đông và Hàn Phu-nhơn được kết duyên cùng Vu-Hựu,

Một hôm Hựu mở trắp nữ-trang của vợ là Hàn Phu-nhơn, thấy ngọn lá đỏ đề hai bài thơ đã kể trên ; mới mừng rỡ mà bảo rằng lá thắm là mai-dong nên lại đề bài thơ kỷ-niệm rằng :

Nhứt liên giai cú tùy lưu thủy, thập tải u-tư mãn tố hoài. Kim nhựt khước thành loan phụng lữ, phương tri hồng diệp thị lương môi. Dịch : Một câu giòng nước chảy xuôi, mười năm luống những ngậm ngùi đến đây. Bây giờ loan phụng sum vầy, cho hay lá thắm cũng tày-mai-dong.

(21) Môi thắm; Mỹ-nhơn dùng sắc Yên-chi 臙脂 đỏ thắm để điểm môi.

(22) Bài thơ Xuân-oán 春怨 của Kim-Xương-Tự đời Đường làm tả tình của người Chinh-Phụ rằng : Đã khỉ hoàng oanh nhi, mạc giao chi thượng đề, Đề thời kinh thiếp mộng, bắc đắc đáo Liêu-tây 打起黃鶯兒莫教枝上啼啼時驚妾夢不得到遼西 Dịch : Nhờ ai đánh đuổi chim oanh, chớ cho nó đỗ trên cành kêu đây. Nó kêu sợ tỉnh giấc nầy, không cho thiếp đến Liêu-tây thăm chồng,

23. — Giấc thừa-ân 承恩 là giấc chiêm bao được vua yêu (nhưng đang giấc mộng thừa-ân, lại bị con chim oanh kêu đánh thức dậy trong lúc trăng tà toan lặn).

---

9) Cung Vy-Thủy (24) lúc nỉ non giọng rế, trướng thu phong lạc bậc quản-huyền xưa,

Cửa Hàm-Quan (25) khi chói lói ngọn đào, (26) rèm tà nguyệt ố màu la-ỷ cũ.

Cung-nữ đang than phiền nỗi thân thế lẻ loi, chưa hết lời u uất thì đã tiếp đến cảnh suy vong của vua Tần-thủy-Hoàng băng, đám quốc tang đưa về đề giấu ở cung Vy-Thủy. Cho nên cung-nữ lại than rằng « Cung Vy-Thủy trở nên buồn bực chỉ còn nghe tiếng rế, lúc đêm thu ở nơi huệ-trướng ; gió thu hiu-hắt, chẳng còn những tiếng đàn sáo (quản huyền) vui vẻ như xưa.

(Sử ký chép khi Tần-Thủy-Hoàng đi tuần thú, băng tại xứ Sa-Kỳ, thì tể-tướng là Lý-Tư đã giết trưởng tử là Phò-Tô, lập thứ tử là Hồ – Hợi, mà đưa đám tang về đất tại Vị-Thủy.

Vua Thủy-Hoàng vừa băng thì tiếp đến vua Cao-Tổ (Bái-Công) đem binh vào đánh đến cửa Hàm-Quan, đã thấy ngọn cờ đỏ chói lói rực rỡ mà ngoảnh lại nơi rèm châu nệm túy thì mùi là lược áo xiêm đã ố màu tươi vẻ đẹp dưới bóng trăng tà.

(Đoạn nầy tác giả ngụ ý tả cảnh tượng khi Lê suy và Nguyễn thịnh).

CHÚ-THÍCH :

(24) Cung Vị-Thủy 渭水 Sông Vị ở xứ Thiểm-Tây tiếp địa phận huyện Hàm-Dương, theo dọc sông Vị Vua Tần-Thủy-Hoàng có dựng hai cung điện : Cung Tràng-Lạc, hướng nam, Cung Hàm-Dương hướng bắc là nơi Thủy-Hoàng ở ; lại bắt hai cầu dài trên sông Vị để thông với hai cung ấy.

(25) Hàm-Quan 函關 là cửa ải ở xứ Hàm-Dương. Khi Tần Hiếu-Công ở đó, đóng đô dựng cửa ải để phòng ngoại xâm.

Tại sơn phần Hàm-Dương, ải ấy gọi là Hàm-Quan, rất có thế hiểm trở, khi Bái-Công kéo quân vào đánh Tần, do cửa ải ấy mà vào.

26) Ngọn đào là ngọn cờ đỏ. Vì cờ đỏ là hiệu lịnh của Bái-công. Người đời ấy gọi Bái-Công là Xích-Đế (Vua đỏ). Khi Bái-Công chém con Bạch-xà, có mụ già khóc bên đường mà nói rằng ; con tôi là Bạch-Đế đã bị Xích-Đế chém, nên trong Hán thơ 漢書 có biên chữ xích xí 赤幟 là cờ đỏ (cờ đào).

---

10) Quá ngán nỗi cửa bạch-câu (27) một nhoáng ;
Ngậm ngùi thay tranh thương-cẩu (28) trăm hình.

11) Con hươu Bách-nhị (29) lạc loài đâu, hoa cỏ ủ ê vườn Thượng-uyển (30).

Cái én Tam-thiên ngơ ngẩn đấy, mây mưa bát ngát đỉnh Vu-Phong (31).

Cung nữ vừa than thở lại nói thêm rằng : « Quá ngao ngán thay ! chỉ trong một thời kỳ lanh chóng như « bóng

câu qua cửa sổ » mà việc đời đã đổi thay như « tranh thương cẩu » đã vẽ nên trăm hình !

Mà trong sự đổi thay ấy là nhà Tần đã mất ngôi báu (con hươu Bách-nhị lạc loài đàu) để đến nỗi chị em chúng tôi như hoa xinh cỏ đẹp ở vườn Thượng-uyển phải ủ ê, chị em chúng tôi như ba nghìn cái én con oanh phải ngơ ngẩn từ đây, xui nên cuộc mày mưa nơi đỉnh Giáp non Thần hóa ra bát ngát.

(Đoạn này tác-giả tự ví khi Lê mất, thân phận mình phải vất vả lẽ loi).

CHÚ-THÍCH :

(27) Bạch-Câu 白駒 là ngựa câu trắng, ví bóng sáng mặt trời chạy lanh.

Sử Tống chép : Tống-thái-Tổ nói : Nhân sanh nhứt thế gian như bạch câu quá khích 人生一世間.如白駒過隙 nghĩa là người sanh trong một đời lanh chóng như ngựa câu qua lỗ-trống (hoặc ngựa câu qua cửa sổ).

(28) Thương-Cẩu 蒼狗 là con muông sắc xanh. Thơ Đỗ-phủ 杜甫 có câu : (Thiên thượng phù vân như bạch-y. Tu tư biến huyền vi thương cẩu, 天上浮雲如白衣須斯變幻爲蒼狗 đám mây trắng trên trời vừa nổi giống như cái áo trắng đó mà bỗng chốc đã hóa ra hình biến huyền như con muông xanh rồi. Ý than sự đời biến chuyển ra lắm hình tượng.

(29) Con hươu Bách-Nhị, Hán thư chép : lời Khoái-Thông 蒯通 nói : Tần thất kỳ lộc thiên hạ cọng trục 秦失其鹿天下共逐 nhà Tần mất con hươu thiên hạ đều đuổi theo. Ý nói ngôi vua Tần mất, trong thiên hạ đều giành nhau. Bách nhị 百二 nghĩa là lấy hai người có thể chống cự trăm người. Hán-kỷ chép : Tần đắc bách nhị yên 秦得百二焉 là Tần được sức mạnh hai phần đối với trăm phần vậy vì giang sơn hiểm trở.

(30) Thượng-Uyển 上苑 là vườn hoa nơi cung cấm của vua chơi.

(31) Vu-Phong 巫峰 Vua Tương-Vương 襄王 nước Sở 楚 đến chơi đầm Vân-Mộng, chiêm bao thấy một Mỹ-nhân đến chầu hầu chung chạ nệm mền, khi từ giả tự xưng là ; Thần-Nữ ở núi Vu gần đầm Vân-Mộng, lại nói : « Tôi thường mỗi buổi mai làm mây, buổi chiều làm mưa ở non Vu. Sau Tương-Vương nghiệm đúng thật, nên làm miếu thờ thần-nữ ở non Vu. Đỉnh Giáp non Thần cũng đồng một nghĩa với non Vu.

12) Tuyết đã phơi mài tóc kim-sanh ; (32)
Rum (33) đâu nhuốm mối tơ lai-thế.

13) Vì thập dã tây hương cấm-dịch (34) cỏ Ly-Sơn (35) dành
lấp tóc đa rồi.

Tưởng thân còn quyến lá ngự câu (36) trăng Vụ-Thủy (37)
hãy cầm hình bóng lại.

14) Nịp ngọc-nữ (38) sương còn êm đóng,
Tiếng chân nhàn (39) gió đã xa đưa.

Tiếp lời than cung-nữ rằng : « Nay thời giờ đi lanh chóng thì người phải già nua, mà mái tóc đời người đã trắng phơi như tuyết, thì soń (Rum) ở đâu đem nhuộm lại mối tơ kiếp sau bây giờ ?

Nghĩ đến đó thêm buồn mà than rằng : Nếu như thân nầy đã từng được vua Tần yêu chuộng thì nay đã chết theo vua Tần mà chôn ở Ly-sơn cho cây cỏ lấp đi rồi. Nhưng khổ thay cứ tưởng thân nầy còn quen với mảnh lá đỏ ở giòng nước Ngự-câu, cho nên bóng trăng ở sòng Vị mới còn cầm giữ hình bóng lại.

Bởi cớ ấy mà chị em cung-nữ chúng tôi còn giữ mình nguyên vẹn như nịp ngọc-nữ sương còn êm đóng, thì đã được nghe tin chân-nhàn (Bái công) gió đã xa đưa đến cho chúng tôi hay (ý nói khi tác giả đã bắt đầu làm tôi vua Nguyễn).

CHÚ-THÍCH :

(32) Kim sanh 今生 là đời sống ngày nay. Lai thế 來世 là đời sống kiếp sau. Điển Phật ở Truyền-đăng-lục 傳灯錄 có câu : Dục tri tiền thế nhơn, kim sanh thọ giả thị. Dục tri lai sanh quả kim sanh tác gia thị 欲知前世因.今生受者是.欲知來生果.今生作者是.

Muốn biết điều nhơn đời trước, thì xem ở sự ta đương hưởng đời nay. Muốn biết sự quả báo kiếp sau, hãy xem sự làm của ta đời nay.

33) Rum là một thứ tổ con kiến gọi là cánh kiến, hoặc thứ lá cây dùng nhuộm, làm thuốc nhuộm mầu đỏ.

34) Cấm-địch 禁掖 là nơi cung điện vua ở.

35) Ly-Sơn 驪山 cũng gọi là Lệ-Nhung-Sơn 麗戎山 Vua U-Vương nhà Chu, Vua Thủy-hoàng nhà Tần đều chôn ở đấy, những bà phi-hậu không con và đồ bảo khí đều chôn theo.

CHÚ-THÍCH:

36) Ngự-câu 御沟 là giòng nước nơi cung-cấm chảy ra ngoài. Quén lá ngự-câu, là vầy duyên với lá giòng nước Ngự (Xem chú thích số 20) Văn liệu chữ quén : Ca dao « Sông còn quén các làm đôi, huống chi ta chẳng tài bồi lấy nhau ».

37) Vị-Thủy 渭水 có hai lạch là Vị-Xuyên và Phàn-Xuyên 渭川 樊川 chảy vào cung A-Phòng. Phú A-phòng có câu : Nhị xuyên dung dung lưu nhập cung tường 二川溶溶流入宮牆

38) Níp ngọc-nữ là thân thể người con gái dẹp (xem chú thích số 16).

39) Chân nhân 真人 người tu hành đắc đạo ; đây dùng nghĩa bóng chỉ ông Bái-Công là một vị chân chúa.

---

15) Dòng Đào-Đường (40) róc-rách xuống sòng Lưu (41)
mẹ rắn (42) khóc bên đường nghe cũng thảm.

Mây Man-Đảng (43) chần vần về đất Bái (44) chị
Trĩ (45) theo trong núi nghĩ mà thương.

16) Thấy bóng cờ ai chẳng rượu dẻ mừng,
Nghe tiếng lạc ai không đờn sáo rước. (46)

Cung-nữ nhắc lại dòng dõi và sự tích lúc sơ-khởi của Bái-Công rằng :

Bái-Công nguyên dòng dõi vua Nghiêu mà truyền đến họ Lưu, mà khi mới khởi nghĩa đánh Tần đã có chuyện lạ : Bái-công nhân đi uống rượu về gặp con rắn trắng đón đường, liền chém rắn chết. Cách đêm sau có bà già khóc bên đường mà nói rằng con tôi là Bạch-Đế bị Xích-Đế (Bái-Công) chém.

Lại những khi Bái-công đánh vua Tần ở núi Man-Đảng ; vợ là Trĩ-Hậu đi tìm thấy nơi Bái-công ở có mây ngũ sắc bao quanh trên núi, ở chốn nào có mây đoanh chốn ấy. Trĩ-Hậu cứ trông mây mà tìm đâu được đó.

Mãi khi Bái-Công đã đánh được Tần thì sai người đánh nhạc và đi tin cho phụ lão của nước Tần biết. Họ nghe có tiếng lạc đi đến đầu họ mừng rỡ đem đờn dịch đón rước, thịt rượu đãi đằng. v.v.

CHÚ-THÍCH :

40) Đào 陶 và Đường 唐 là hai tên đất đã phong cho vua Nghiêu (2357. Tiền) là động nguyên-thủy của Bái-công.

41) Sông Lưu 劉 là dòng họ Lưu. Bái-công họ Lưu tên Bang 邦

42) Khi Bái-công còn làm chức Đình-trưởng, gần khởi nghĩa đánh Tần có chém con Bạch-xà như chuyện đã kể trên.

43) Man-đảng 芒碭 là tên núi; Khi Tần-thủy-Hoàng xem ở miền đông nam có khí Đế-Vương, bèn đến đó đề trấn áp, Bái-công phải lánh qua ở núi Man-đảng (xem chuyện đã kể trên).

44) Bái 沛 Vua Hán-cao-tổ 漢高祖 khởi binh ở đất Bái nên quân quan tôn hiệu gọi là Bái-công. 沛公

45) Chị Trĩ. Lữ-Hậu 呂后 là vợ Bái-công tên là Trĩ, 雉 cho nên đời ấy kiêng tên húy gọi Trĩ là Dạ-kê, 野雞 (gà đồng) Cung-nữ gọi Trĩ-Hậu bằng chị là theo thói vợ bé gọi vợ cả.

46) Sử chép khi Hán-cao-Tổ đánh được Tần rồi, liền sai người đến các tỉnh, phủ, huyện, ấp báo cáo ra tờ dụ kể các điều ước về sự trị an, thì đến nhà nào cũng có đờn địch và rượu thịt đón rước linh-đình.

---

17) Bèn chỉ-đạo (47) xe vôi ngựa phấn, dòm thấy lòng bất nhẫn những thì thầm.

Trước kim-lâu (48) xiêm bụi áo bùn, vâng biết ý dục lưu mà khép nép.

18) Xem khí sắc đã nên năm-vẽ (49)
Tưởng cơ duyên hẳn trọn ba-sinh (50)

Tiếp theo lời cung-nữ : nói rằng ; Khi Bái-công đã đánh được Tần vào đến xứ Chỉ-Đạo, vua Tần là Tử-anh đi xe trắng ngựa trắng (Tử-Anh là cháu nội Tần-thủy-Hoàng, đương có tang) ra đầu hàng mà Bái-Công không nỡ giết.

Cung-nữ thấy lòng nhân-từ của Bái-Công thì cùng nhau thì thầm khen ngợi.

Mãi đến khi Bái-Công đã vào đến nơi cung cấm của Tần đang khi xiêm bụi áo bùn trước chốn lầu vàng, lại nghe Bái-công có ý muốn ở lại nơi cung Tần thì cung-nữ thấy e lệ khép nép, mong được thừa ân.

Ngắm đi ngắm lại tướng mạo và oai-nghi Bái-công thật đã nên chữ « năm-vẽ » như đã nói ở đoạn nầy năm sắc đoanh trên núi Man-đảng thì cung-nữ tưởng hẳn có cơ-duyên được Bái-công yêu, may mà được trọn ước « ba-sinh ».

CHÚ - THÍCH :

47) Chi-đạo 枳道 tên đất, xứ Chi-đạo ở gần Cung Tần.

48) Kim–Lâu 金樓 lầu sơn son thép vàng.

49) Năm vẻ : chữ gọi là ngũ-thể 五彩 năm sắc hoặc gọi là 五雲 ngũ–vân. Một đám mây có đủ năm vẻ là đám mây ứng điềm lành. hoặc có triệu Đế-vương hưng khởi.

50) Ba-sanh, chữ gọi là Tam-sanh 三生 (Điển nầy có hai điển khác nhau, nhưng thường dùng chung một nghĩa là nguyên có duyên vợ chồng từ kiếp trước. Hai điển ấy là :

1°) Truyền-đăng-Lục 傳灯錄 chép : một người chiêm bao thấy đến trước một vị sư già, một nén nhang đốt đang cháy còn sợi khói nhỏ ; sư già chỉ nén nhang mà nói đó là một nén nhang nguyền của một người đi cúng lễ. Nay cách ba đời mà nhang còn đỏ.

2°) Cam-trạch-đao 甘澤謠 chép đời Đường Lý-Nguyên cùng ông sư Viên-trạch quen nhau. Trạch thường nói chúng ta quen nhau đã hai đời rồi, lại hẹn sau 12 năm sẽ gặp nhau tại chùa Thiên-Trúc Lý-Nguyên y ước, đến thấy một người trẻ chăn trâu hát rằng : Tam sanh thạch thượng cựu tinh hồn. Thưởng nguyệt ngâm phong bất yếu lôn. Làm quí tình nhân viễn tưởng phỏng. Thử thân tuy đi tánh thường tồn. (1)三生石上舊精魂賞月吟風不要論慚愧情人遠相訪此身雖異性常存

(1) Đá ba-sanh khắn tình sy ; thú vui trăng gió nói chi thêm buồn. Thăm nhau thẹn với tình nhân ; Thân nầy tuy khác tánh còn như xưa.

---

19) Bất kỳ may gặp hội rồng bay (51) âu lửa bén hương lây (52) cho đáng số,

Giải cấu rủi nhằm hơi khỉ-tắm (53) nỡ hoa trôi nước chảy (54) cũng oan tình !

20) Hẳn quan gia (55) mà thực dạ ái-nhân (56),
Đành Thánh Thế (57) nỡ để ai oán-nữ (58).

May được như thế, hẳn là không hẹn mà nên gặp hội « rồng mây » (như cá gặp nước như rồng gặp mây) thì cũng trọn nguyền hương lửa ba-sanh đã nên đáng số may mắn. Ấy là lời cung nữ ao ước được gặp Bái-Công. (Vì chữ Long-Phi Tỵ-Thủy 龍飛況水 rồng bay ở sông Tỵ-Thủy trong chuyện Bái-Công).

Nếu rủi gặp phải Hạng-Vũ thì thiệt thòi quá, hóa ra vô duyên vô vị như hoa trôi nước chảy; câu thơ xưa đã nói « Thủy lưu hoa tạ lưởng vô tình 水流花謝兩無情 hoa trôi nước chảy có tình gì đâu.

Vậy thì xin ngài đã có tiếng là khoan nhàn, ái nhận thì ngài có lòng nào ghét bỏ chị em chúng tôi phải lỡ loi duyên phận của gái không chồng.

CHÚ-THÍCH :

51) Rồng bay ; Long Phi 龍飛 trong kinh Dịch có chữ. « Long phi tại thiên » : Rồng bay trên trời (Ví khi vua lên ngôi).

52) Lửa bén hương lây. Người xưa dùng hương lửa mà thề nguyền trước quỷ thần. Kinh Phật gọi sự khế hợp nhân-duyên vợ chồng là « hương hoa nhân duyên ».

Thơ Bạch-cư-Dị : Hương hỏa nhân duyên cửu nguyện đồng 香火因緣久願同 Cùng nhau hương hỏa nhân - duyên từ ngày...

53) Khỉ tắm. Người nước Sở bình phẩm Hạng-Võ gọi là con khỉ mà đội mão : mộc hầu nhi quan 沐猴而冠 Hai chữ ấy tác giả muốn khôi hài cắt nghĩa đen : mộc là tắm, hầu là khỉ cho vui ; chứ thật ra mộc hầu là con khỉ độc. — Hạng-Vũ giữ tánh khờ và hung bạo nên có lời bình phẩm như thế.

54) Hoa trôi nước chảy « nghĩa như đã kể ở đoạn trên ».

55) Quan-gia. 官家 Sử Tống chép lời Công-Chúa Vĩnh-Ninh nói với Tống-thái-Tổ « Quan gia tác thiên-tử nhựt cửu, khởi bất năng dụng kim trang kiên, dư thừa dĩ xuất nhập 官家作天子日久豈不能用金裝肩輿我以出入 Ngài làm vua đã lâu, khá lại không thể dùng cái kiệu bịt vàng mà đi vào ra sao ?

56) Ái-nhân 愛人 là yêu người. Bái-Công có tiếng khoan-nhân ái-nhân, lòng nhân rộng rãi hay yêu người.

CHU-THÍCH :

(57) Thánh-thế 聖世 là đời của Thánh. — Vua có đức như Nghiêu Thuấn 堯舜 gọi là Thánh-Thế.

(58) Oán-nữ 怨女 Mạnh-Tử nói : nội vô oán nữ 內無怨女 trong không gái không chồng... ý nói đời thạnh trị mọi người có lứa đôi có sự nghiệp v. v.

---

21) Âu-ca (59) thuở về cùng Thuấn-Vũ (60); Cao-Dao, Hậu-Tắc nào ngăn (61)
Huyền-Hoàng (62) khi lại với Thang Văn (63), Y-Doãn, Châu-Công há cấm.

22) Sao trong trướng chưa chút chi mát mặt,
Mà ngoài sân đà lắm tiếng oai tai ?

Tiếp theo cung nữ lấy chuyện xưa mà ví chuyện đương thời rằng « Khi vua Hạ-Vũ nối ngôi vua Thuấn thì trong thiên hạ bao nhiêu người trẻ,già,trai,gái đến mừng rỡ chúc tụng, thì những ông tôi tài giỏi như Cao-Dao,Hậu-Tắc sao không cấm ngăn sự âu-ca.

Lại như khi Thành-Thang 成湯 Văn-Vương ban ân đức cho dàn,thì đã biết bao nam phụ,lão ấu,đem lụa vàng (Huyền hoàng) đến dâng tiến chúc mừng thì những ông hiền thần như Y-Doãn, 伊尹 Châu-Công 周公 chẳng cấm.

Vả lại chị em chúng tôi ở trong màn trướng đã được chút ân huệ nào đáng gọi là mát mặt, mà các tướng sĩ ở ngoài đã buông tiếng oi tai ?

Đoạn nầy nói Bái-Công có ý muốn ở lại nơi cung Tần, nhưng bị lời can ngăn của các tôi văn võ là Trương-Lương và Phàn-Khoái nên cung nữ trách giận Trương-Lương, Phàn-Khoái v. v.

(Hai đoạn trên này đều ngụ ý của tác-giả chỉ trích kẻ sàm nịnh lúc bấy giờ.)

CHÚ-THÍCH:

(59) Âu ca 謳歌 là bài hát chúc tụng ân đức của Vua.

(60) Thuấn 舜 vua Thuấn (2255 Tiền) nối ngôi vua Nghiêu. Vua Vũ 禹 nhà Hạ nối ngôi vua Thuấn.

(61) Cao-Dao 皐陶 Hậu-Tắc 后稷 là hai hiền thần giúp vua Thuấn, vua Vũ.

(62) Huyền Hoàng 玄黃 Màu đen, Màu vàng. Sách Mạnh-Tử chép: Tuy khuyết sĩ nữ, phỉ khuyết huyền hoàng, thiệu ngã Châu-vương ân hưu: Kẻ sĩ nữ thảy vui vẻ đựng trong khay những cây lụa màu huyền màu hoàng đem đến dâng vua nhà Châu để cảm phục ân đức của vua 簞厥士女筐厥玄黃紹我周王恩休

(63) Thang, Văn 湯文 Tên hai vị Đế-vương vua nhà Thương 商 nhà Châu 周 (Thành Thang nhà Vương, Văn Vương nhà Châu).

(64) Y-Doãn Châu-Công 伊尹周公 là tên hai vị hiền thần làm tôi vua Thành-Thang và vua Văn-Vương.

(65) Oi tai. Oi là làm rộn. Oi tai: làm ồn ào rộn rịp nghe chác tai khó chịu.

---

23) Ngao ngán thay nắng chẳng thương hoa,
Ghê gớm bấy mây nào xót nguyệt.

Tiếp theo ý oán hờn của cung nữ nói thêm rằng: ngao ngán thay nắng kia có yêu gì đến hoa và ghê gớm bấy mây nào xót nguyệt. Nắng là bóng mặt trời ví vua Hán cao Tổ (Bái-công). Mây có nghĩa là mây theo rồng (Vân tùng long 雲從龍) chỉ các cận thần của Hán Cao-Tổ là Trương Lương và Phàn khoái. Hoa và nguyệt ví Cung nữ. «Nắng ví Hán Cao-Tổ. «Mây» ví Trương Lương, Phàn Khoái vì Trương Lương, Phàn khoái can ngăn không cho Bái-công ở lại Cung Tần nên cung nữ oán.

24) Ngọn xích xỷ (66) ùn ùn về Bá-Thượng (67), hoa trôi nước chảy lạt lẽo thay tình.

Má Lam-điền (68) dượi dượi để Quan-Trung (69), phấn rũ hương phai bẽ bàng bấy phận.

Tiếp lời oán trách của Cung nữ rằng : khi đã kéo cờ đỏ (xích xí) về Bá-Thượng rồi thì còn gì nữa là mặn nồng, chị em chúng tôi sẽ là «hoa trôi nước chảy» lạt lẽo thay tình. Chị em chúng tôi dù có đẹp như tiên nữ ở Lam-Điền cũng để sót lại đất Quan-Trung cho phấn rũ hương phai bẽ bàng với thân phận đó thôi.

CHÚ-THÍCH :

(66) Xích xỷ 赤幟 Cờ đỏ, là hiệu của vua nhà Hán tức Bái Công.

(67) Bá Thượng là tên nơi Bái Công đóng quân. Sử ký chép : lúc bấy giờ Hạng Võ binh 40 vạn ở Tân phong Hồng Môn ; Bái-Công binh 10 vạn đóng ở Bá Thượng.

(68) Lam-Điền 藍田 tên Huyện lỵ tại xứ Thiểm Tây, phủ Tây An, có núi Ly Sơn, theo dọc núi ấy có núi Lam-Điền là nơi có mỏ ngọc có tiếng đẹp nhất. Núi ấy cũng gọi là Ngọc Sơn (Má Lam-Điền là đẹp như ngọc hay là má ngọc).

(69) Quan Trung 關中 là Hàm cốc-quan 函谷關 địa đầu nước Tần. Sử ký chép : Quân Sở đánh ban đêm, chôn sống quân Tần hơn 20 vạn dư rồi kéo qua thành phía nam là Tân-phong để cướp đất Tần, song ở cửa ải Hàm Quan có quân Tần đóng giữ rất nhiều nên quân Sở vào không được.

25) *Nín thì những đeo sầu ngậm tủi,*
Nói ra dường ép dấu nài yêu.

26) *Trật bánh xe (70) là bởi tội Lý Tư (71) nào ai đem nhứt tiếu khuynh thành (72) mà dượng Võ (73) gọi vong Tần cho đáng,*

Dơ roi ngựa (74) ấy nức danh Châu-Hậu (75) lấy ai đủ thập thần trị quốc (76) mà thầy Nho (77) rằng trợ Kiệt (78) nên tin.

Nếu chị em chúng tôi lặng im không nói cho rõ lẽ thị phi thì vẫn cứ chịu đeo sầu ngậm tủi mãi. Mà nếu nói ra thì hình như chị em chúng tôi cố ý muốn cho ngài (Bái Công) phải bị chúng tôi nài ép sự thương yêu.

Vậy xét lại sự thật là thế này: sở dĩ nước Tần mất là bởi tội Tể tướng Lý Tư, chớ phải đâu chị em chúng tôi đem nhan sắc nghiêng thành làm cho Bái Công mê say, mà sợ thất bại như lời Phàn-Khoái (Dượng Võ) nói Cung nữ làm cho Tần vong.

Vả lại, chớ có bảo bọn đàn bà làm cho vong quốc. Thử hỏi như đời nhà Châu có bà Ấp Khương 邑姜 vợ vua Võ Vương đã giúp con là Thành Vương mà nhà Châu được thạnh trị. Nên đã có tiếng khen thêm Ấp-Khương mới đủ số mười người tôi trị nước (thập thần trị quốc). Mà thầy nho (Trương Lương) nói chúng tôi như nàng Muội Hỷ 妺喜 đã làm cho vua Kiệt nhà Hạ hoang dâm mà nước phải bại vong lại gọi là nên tin?

CHÚ-THÍCH:

(70) Trật: nghĩa là sẩy, mất. Bánh xe chữ gọi là Qủi. 軌 Trật bánh xe nghĩa bóng là mất nước.

Theo lời Quản tử 管子 chép: Quốc qủi bố ư vị hình, cứ kỳ dĩ thành thừa lệnh nhi tấn thối, vô cầu ư dân, vị chi quốc qủi 國軌布於未形.據其已成.乘令而進退.無求於民.謂之國軌. nghĩa là lằn xe của một nước sắp đặt từ khi chưa có hình tích, rồi khi đã nên

CHÚ THÍCH :

rồi cứ nói theo, hiệu lệnh mà cho xe đi tới lui tùy ý, không cầu ở nơi dân thì gọi là xe nước. Ý nói khi đã tính được sự giàu mạnh của nước thì nước được vững, như cho xe lui tới mà không cầu ở nơi dân. Cho nên trật bánh xe lấy ở ý đó nghĩa là mất nước .

(71) Lý-Tư 李斯 là tể tướng của Tần, nhân vua Tần thủy Hoàng đã băng, Tư làm tờ chiếu giả, giết thái tử Phò-Tô 扶蘇 lập thứ tử là Hồ-Hợi 胡亥 lên ngôi, quốc hiệu là Tần nhị thế 秦二世

Về sau, Triệu-Cao 趙高 là hoạn quan lại mưu giết Hồ-Hợi, làm chiếu giả lập Tử Anh là con Phò-Tô mà lập hiệu Tần-Vương 秦王 bỏ hiệu Nhị thế ; lại dựng cung A phòng, tiêu phí xa xỷ, oán vọng cùng khắp phải mất nước.

(72) Khuynh-thành 傾城 người đẹp làm cho nước phải nghiêng đổ (mất nước) Kinh thi 經詩 Triết phu thành thành, triết phụ khuynh thành 哲夫成城哲婦傾城 đàn ông giỏi dựng nên thành, đàn bà đẹp làm cho nghiêng thành.

(73) Dượng Võ, chỉ Phàn-Khoái. Vì Phàn-Khoái có tước phong là Võ-Dương-Hầu 舞陽侯 . Khoái lại là em rể Lữ-Hậu, vợ Bái Công, theo tục thường gọi « dượng» là chị dâu gọi người chồng của em chồng. Cung nữ ý xưng là vợ Bái-Công nên gọi Khoái là dượng.

(74) Dơ roi ngựa-Dùng nghĩa bóng, chữ Trước tiên tiên của chàng Lưu-Côn 劉琨 nói chuyện chàng Tổ-Địch 祖逖 (Lưu-Côn viết thơ với một người thân nói rằng: « Ta gối giáo đợi sáng, để bêu đầu giặc để giẹp yên xứ Trung Nguyên. Song chỉ sợ Tổ Sanh (Tổ-Địch) giơ roi ngựa chạy đến trước ta v.v.

(75) Châu-Hậu 周后 là bà Hoàng Hậu đời nhà Châu, tức là bà Ấp-Khương đã nói trên.

(76) Thập-thần 十臣 mười người tôi là Châu-Công-Đán 周公旦 Thiệu-công-Thích 召公奭 Thái-công-Vọng 太公望 Tắc-công 畢公 Vinh-Công 榮公 Thái-Điên 太顛 Hoằng-Yên 閎夭 Tán-nghi-Sanh 散宜生 Nam-Cung-Quát 南宮适 và một bà Ấp-Khương 邑姜 là mười người tôi nhà Châu, như lời Cung nữ nói « lấy ai đủ thập thần trị quốc ».

77) Thầy nho. Trương - Lương 張良 nguyên có 5 đời làm tướng nước Hàn 韓. Khi nhà Tần đánh Hàn mất. Lương bán hết sản nghiệp, đến Thương hải thuê một tráng sĩ có nghề đánh cái chùy, chờ xe vua Tần đi ngang qua bãi Bác-Lãng Sa mà đánh. Tuy đánh không trúng nhằm xe của vua Tần, cũng đã làm cho Tần mất vía, Vua Tần sai tìm bắt Lương trốn đến xứ Hạ-Bì đổi tên họ. Sau Lương theo Bái Công làm mưu thần được phong tước Lưu Hầu 留侯.

CHÚ THÍCH :

Sử ký chép Trương Lương có xưng là nho nhã khí tượng nên cung nữ gọi là « Thầy nho ».

(78) Trợ Kiệt 助傑 : giúp vua Kiệt. Nàng Muội Hỷ 妹喜 là vợ vua Kiệt nhà Hạ. Nàng là con gái họ Hữu Thi, có sắc đẹp mà không có đức lành ; lại ưa ăn mặc như đàn ông, đeo cung tên đi săn bắn và hay nghe bọn hoạn quan sàm nịnh ; xây dựng lâu đài suốt ngày đêm, ham mê tửu sắc, làm cho vua Kiệt bỏ phế việc nước, nhân dân oán vọng, các chư hầu bỏ vua Kiệt mà theo vua Thành thang lên ngôi.

Vua Kiệt phải bị giam ở Nam-sào, ở đó cùng chết với Muội-Hỷ.

---

27) Trợn con ngươi (78a) không gẫm cuộc tang thương(79)
Uốn cái lưỡi (80) chỉ dày duyên phấn đại(81).

28) Mặt bán thịt mới mua duyên năm nọ, chẳng qua
bình dì nó đánh ghen thay.
Gan cắp dùi làm mất vía ngày xưa, cũng vì bởi
chúa mình lây giận mãi.

Tiếp theo lời cung nữ mắng Phàn Khoái rằng: Sao đã trợn con mắt mà xét tình hình cuộc thế lại không gẫm đến cuộc tang thương.

Lại mắng Trương Lương rằng đã biết dùng ba tấc lưỡi đi thuyết khách lại làm mưu thần cho Bái Công,có tài năng như thế mà không để ý nơi chuyện quan trọng,mà chỉ uốn tấc lưỡi mềm mà nói dày vò duyên phấn son của bọn con gái đàn bà làm gì thêm lắm chuyện (có bản chép « Liếc » con ngươi không gẫm cuộc tang thương),

Cung nữ còn mắng thêm Phàn-Khoái rằng : Mặt bán thịt mới mua duyên năm nọ,chẳng qua bình dì nó đánh ghen thay nghĩa là Phàn-Khoái nguyên làm nghề bán thịt,sau theo Bái Công mà lập thân Khoái lại là em rể Bái-Công, vợ Khoái là em Lữ-Hậu,

Lại mắng Trương-Lương rằng có gan dùng tráng sĩ cắp dùi đánh vua Tần tại bãi Bát-Lăng-Sa làm cho vua Tần mất vía là vì chúa mình mà lây giận đến Tần, lây giận đến Cung nữ.

CHÚ-THÍCH :

(78a) Trợn con ngươi : Sử ký chép khi Phàn-Khoái vào cứu cấp Bái Công ở tiệc Hồng-môn hội-ẩn, Hạng Vương thấy Khoái có khí vũ tráng kiện, mắt trợn gần rách khoé, tóc chửng dựng dậy chỉ lên trời, thì khen tráng sĩ rồi cho mời thịt và rượu.

(79) Tang thương 桑滄 Dâu bể, bãi bể hóa cồn dâu, nói sự biến dời cuộc thế. Lời tiên nữ Ma-Cô 麻姑 nói đã thấy một nơi ba lần hóa bãi bể và ba lần hóa cồn dâu (Liệt tiên truyện 列先傳).

(80) Cái lưỡi. Sử ký chép : Lưu hầu 留侯 là Trương-lương có nói... nay chỉ dùng ba tấc lưỡi mà làm thầy Vua : Kim dĩ tam thốn thiệt vi đế giả sư 今以三寸舌爲帝者師. Có bản chép « Uốn tấc lưỡi » tức là « Thốn thiệt »

(81) Phấn là phấn trắng dùng chất tinh của chì luyện thành phấn. 粉 Đại là thứ vỏ con ốc có màu đen xanh dùng kê mày đàn bà, gọi là Loa đại 螺黛

Phấn đại là đồ dùng trang điểm của phụ nữ.

---

29) Sức bao nả cũng lao lư dưới bệ (82)
Trung với ai mà thổ thẻ bên màn (83)

30) Có chăng loài bảo ngọc mê tinh, ngăn giọt dãi phủ ông (84) cũng phải.
Nào những kẻ hương hoa chực phận, nỡ dứt lòng du tử (85) cho cam.

Cung nữ còn mỉa mai thêm những lời bảo Phàn-Khoái rằng sức lực có bao nhiêu mà cũng hăm he dọa nạt ở dưới bệ rồng là khi Phàn Khoái vào cấp nạn Bái Công ở Hồng-môn.

Lại mắng Trương Lương có lòng trung tín với ai mà cũng lo toan việc mưu này kế kia ở nơi chỗ màn trướng của Bái-công. Vì nguyên Trương Lương đã năm đời làm tướng của nước Hàn, nay chẳng qua theo Bái-công là dựa thế lực chớ phải đâu Lương có lòng trung tín thực.

Cung nữ lại nói: Nếu bảo rằng Bái Công thấy châu báu vàng ngọc và kho tàng của Tần nhiều mà Bái-công thêm chảy bọt dãi mà cau ngăn cũng đáng ; chớ vốn ở đây toàn là người cung nữ đang hương hoa chực gởi thân phận, sao lại nỡ dứt lòng kẻ du tử (Bái Công) cho đành ?

CHÚ-THÍCH :

(82) Khi Bái Công đến hội ẩm ở Hồng môn, có cơ nguy đến tánh mạng, thì Phàn Khoái đã đến nơi cứu cấp có thái độ rất dõng mãnh và can cường nên Hạng Vương phải trọng đãi mà Bái Công cũng được thoát nạn .

(83) Sử ký chép chuyện Trương Lương khi làm mưu thần cho Bái Công thì tuy lo toan kế hoạch ở nơi màn trướng mà quyết hơn ở ngoài nghìn dặm .

(84) Khi Bái Công muốn ở lại cung Tần thì Trương Lương hỏi rằng Ngài muốn làm vua Hán thì nên bỏ cung Tần, nếu muốn làm ông nhà giàu thì nên ở lại cung Tần v.v...(Sử ký chép)

(85) Khi Bái Công đánh được Tần rồi về thăm làng cũ là xứ Bái, cùng phụ lão uống rượu và hát bài Đại-phong-ca 大風歌 có câu... Du tử bi cố hương.., 遊子悲故鄉 nghĩa là kẻ đi ra ngoài thương nhớ nơi làng cũ .

---

31) Thuở đông cư (86) lòng sở háo sao chịu ?
Nay tây nhập (87) sức hữu vi lại cấm ?

32) Một là bởi dựt mình oai chín quận (88), phải lánh ra đành để tướng-quân (89) vào.
Hai là toan theo dấu thú năm hồ, để đành lại lần đem Tây-tử (91) bước.

Cung nữ hỏi Trương Lương Phàn khoái rằng sau khi Bái Công còn đương ở lánh chốn Đông sơn thì Bái Công có ý ưa gái đẹp và của cải thì lại chịu theo lòng sở háo ấy? mà nay khi đã do hướng tây mà đến đây là khi đã hưng khởi làm gì muốn gì được nấy sao lại cấm ngăn không cho Bái Công được như lòng sở háo là sao ?

Hoặc giả các ông sợ Hạng Vương có oai phong lẫm liệt làm cho chín quận phải dựt mình sợ, mà các ông phải chịu lánh đi nơi khác để cho Hạng Vương (Tướng quân) vào Tần Cung chăng! Hay là các ông có ý muốn tư kỷ cho thỏa ý mình như ông Phạm Lãi ngày xưa chực để đem chị em chúng tôi đi với, như Phạm Lãi đem Tây Thi chơi Năm Hồ cho thích chí ?

CHÚ-THÍCH :

(86) Đông cư 東居 ở miền đông: Sử ký chép: Khi Bái Công còn ở miền Đông Sơn, có tánh ưa tửu sắc và tài bạch .

(87) Tây nhập 西入 vào miền tây. Bái Công đo miền Tây xứ Hàm-Dương mà vào nước Tần.

(88) Oai chín quận. Khi Hạng Võ tự lập mình làm Tây-sở bá-vương 西楚霸王 thì oai quyền trùm khắp chín quận phải sợ phục.

(89) Tướng quân 將軍 là gọi Hạng Vũ tức Hạng Vương. 項羽

(90) Năm hồ : Chữ gọi Ngũ Hồ 五湖 Sách Trương Bột Ngô lục 張勃吳錄 chép tên Năm Hồ là Thái Hồ 太湖 . Sách Sử ký sách ẩn 史記索隱 lại chép Năm hồ là : Thái Hồ 太湖 Đồng-Đình 洞庭 Bành-Lãi 彭蠡 Sào-Hồ 巢湖 và Giám-Hồ 鑒湖

(91) Tây Tử 西子 tức là Tây-thi 西施 cũng gọi là Di-quang 夷光 nguyên một người gái quê ở xóm Vũ-La 苧蘿 . Đời Xuân-thu, mưu thần của Việt-Vương là Phạm Lãi đã mua Tây Thi dạy đàn hát và cách chầu hầu để đâng cho Ngô Vương, làm cho Ngô Vương say đắm mà phải mất nước. Ấy là đùng kế mỹ nhân mà trả cừu thù cho Việt Vương đã bị thua Ngô Vương.

Sau khi phục thù đã thành công, Phạm-Lãi không xin chức tước, chỉ xin Tây Thi rồi cùng xuống thuyền đi chơi rong ở Năm hồ về sau biệt tích.

33) Đã đắng nghét một liền thuốc độc (92)
Lại chua le ba tấc lưỡi mềm (93)

34) Bởi lẻ loi vì phận khách bình bồng (94), lần kim-giáp (95) để hơi hương chẳng thấu.
Vì may mắn như duyên ai kỵ trửu (96) dặng bích-y (97) chi chút bụi nào rơi.

Cung nữ vẫn than : Chị em chúng tôi đã đắng nghét như bị uống một liều thuốc độc, mà còn nghe các ông nói chua chát thay, sàu thiểm thay, các ông khéo uốn ba tấc lưỡi mềm.

Chị em chúng tôi bởi lẻ loi như cánh bèo trôi làm thân phận một người khách ở xứ người cho nên không được may mắn được thấu hơi hương sang quý ở nơi áo giáp vàng của Bái Công.

Nếu chị em chúng tôi may mắn được như ai nâng khăn sửa túi, thì chi đến nỗi phải mang tiếng «Bích y» làm cho bụi lấm đến mình.

CHÚ THÍCH :

(92) Khi Phàn Khoái can Bái Công chớ nên ở lại cung nhà Tần thì Bái Công không bằng lòng lại không nghe lời. cho nên Trương-Lương nói thêm câu :

«Trung ngôn nghịch nhĩ lợi ư hành, độc dược khổ khẩu lợi ư bệnh, nguyện thính khoái ngôn»: Lời nói ngay nghe trái tai, nhưng có ích cho việc làm, vị thuốc độc uống đắng miệng mà có ích cho bệnh xin Ngài nghe lời nói của Phàn-Khoái 忠言逆耳利於行毒藥苦口利於病願聽膽言

(93) Lưỡi mềm (xem chú thích số 80).

(94) Bình bồng 萍蓬. Bình là cánh bèo, bồng là cây cỏ bồng : bèo sanh trên nước thường trôi nổi ở không định nơi, cỏ Bồng sanh trên bãi bề như một chùm lá thông, mỗi khi gió thổi cỏ lăng chạy khắp nơi cũng như tai bèo, ví người ở rày đây mai đó,

(95) Kim giáp 金甲 áo giáp bằng những mảnh thép cứng kết lẫn với sợi tơ bện thành áo mặc để đỡ tên bắn. Lần kim-giáp là cái áo giáp làm từng đoạn thép cứng.

CHÚ THÍCH :

(96) Ky Trửu 箕箒 là cái nia, cái dần, cái chổi. cái cào v.v... là đồ dùng của người đàn bà coi việc nội trợ. Sử ký chép khi ông Lữ-Công muốn gả con gái là Lữ-Trĩ cho Bái-Công, có nói : Thần hữu tức nữ, nguyện vi quý Ky-Trửu thiếp : Tôi có đứa con nhỏ, xin làm tiểu thiếp nguyện giúp việc ky-trửu cho ngài là ông Quí (臣有息女願爲季箕箒妾)

(97) Bích-y 壁衣 là cái áo vách : Vách làm hai lớp để cất hoặc dấu vật gì ở trong.

Khi Lữ-Hậu và Thầm-Tự-Cơ 審食其 là vợ và gia thần của Bái-Công bị Hạng-Võ bắt giam chung một nhà thì Lữ-Hậu đã có tư thông với Thầm-Tự-Cơ ; về sau Bái-Công băng, Huệ-Đế còn nhỏ, thì Lữ-Hậu lên cầm quyền trị nước, ở trong Cung có xây vách hai lớp để dấu Thầm-Tự-Cơ ở trong cho tiện khi tư thông với nhau.

Nay Cung-nữ nhắc lại chuyện cũ của Lữ-Hậu đã mang tiếng xấu... mà tự xưng Cung-nữ nếu được làm vợ Bái-Công thì đâu đến nỗi mang tiếng như bụi lấm mình.

---

35) Lượng bao-dung (98) dù quyết hẹp hòi
Tử minh-đạt (99) có đâu lầm lỗi.

36) Nào thuở trước núp rừng cây, nghe lạc ngựa, thấp thoáng bóng dù dạng kiệu, những than thầm chí cả trượng-phu (100),
Đến bây giờ ngồi lầu ngọc ngắm tranh người, xòn xao trên nệm dưới màn, lại làm sỉnh ngôi cao Hoàng-Đế (101).

Cung nữ trách rằng nếu như Phàn Khoái, Trương Lương có bụng hẹp hòi không bao dung cho chị em chúng tôi thì mặc, chớ như Bái Công ngài có tứ sáng suốt và độ lượng lớn rộng thì dễ nào lại lầm lỗi ru.

Vả lại sao Bái Công ngài không nghĩ lại nhớ đến khi ngài lánh vua Tần-Thủy-Hoàng ở rừng núi Mang-Đãn, mỗi khi ngài thấy bóng kiệu tàng, xe ngựa của Tần-thủy-Hoàng thì ngài cứ than rằng:« Như vậy là chí cả trượng phu ». Đến bây giờ ngài đã làm nên Hoàng-đế ngồi nơi bệ ngọc mà ngắm chị em chúng tôi đẹp như tranh vẽ mà đông nhiều xòn xao trên nệm dưới màn chực hầu hạ Ngài, mà Ngài lại làm sỉnh ngôi cao Hoàng-Đế ?

CHÚ THÍCH :

(98) Bao dung 包容 là rộng lòng dung thứ cho người.

(99) Hoát Đạt 豁達 là rộng rãi có độ lượng lớn. Minh Đạt 明達 là sáng suốt soi xét đến nơi đến chốn. Hai chữ Minh Đạt cũng như Hoát Đạt. Có bản chép Hoát Đạt.

(100) Chí cả trượng-phu : Sử ký chép : Khi Bái Công theo miền Hàm Dương xem vua Tần Thủy Hoàng, Vì Tần Thủy Hoàng xem khí trời biết miền Hàm Dương (Mạng-Đản) có khí Đế-vương thì Bái Công thường than rằng: Chao ôi! kẻ đại trượng phu phải nên như thế ấy. Đó vì Tần Thủy Hoàng đi có đủ cờ quạt kiệu tàng đi hầu hạ nghiêm trang nên mới than lời ấy. (Ta hồ đại trượng phu đương như thị 嗟乎大丈夫當如是).

(101) Hoàng-Đế 皇帝 là vua. Hai chữ ấy do Tần thủy Hoàng đặt ra trước. Sử ký chép khi Tần thủy Hoàng đã thống nhất thiên hạ rồi, có thiết triều để bàn việc quốc-sự và đặt ngôi thứ danh hiệu.

Đình thần tâu rằng xưa có Thiên-Hoàng 天皇 Địa-Hoàng 地皇 và Thái-Hoàng 泰皇 . Thái-Hoàng là vị vọng tối cao, xin đặt vị vua là Thái-Hoàng. Tần-thủy-Hoàng không chịu, bảo nên bỏ chữ thái mà đặt là Hoàng-Đế 皇帝 Lại bảo về thế thứ để hệ thì bắt đầu đặt chữ thủy 始 nghĩa là đầu tiên, Thủy Hoàng 始皇 về sau nối theo thì đặt nhị thế 二世 Đời thứ hai. Tam thế 三世 lần mãi mãi đến vạn thế v. v.

Nay cung nữ muốn nói Bái Công bắt chước Tần Thủy Hoàng mà không sủng hạnh đến bọn Cung Nữ.

---

37) Tuy cách mặt khách còn lạ khách,
Nhưng soi gương mình vẫn yêu mình.

38) Gượng làm mặn hiếu sắc (102) ngày xưa thì này chi bất tiếu (103) ai dòm, mắt nào sắc vẫn không cơ cất ngọc (104)

Chi đến nỗi kết duyên (105) đêm quạnh, song mà ý hợi trung (106) có bức, tay nầy mềm còn hơn kẻ che gươm (107).

Tuy chúng tôi đối với Ngài còn cách mặt, chúng tôi là người bình bồng nơi khách địa, ngài cũng là người làm khách ở đất Tần này, hai bên đều là khách cả, còn xa lạ nhau; chớ chị em chúng tôi tự biết có sắc tuyệt thế mỗi khi soi gương nhìn nhan sắc thì mình tự yêu mình thấy có dung mạo tuyệt trần.

Vậy thì xin Bái Công ngài giả gượng làm màu hiếu sắc ngày xưa là khi ngài còn ở Đông Sơn vốn có lòng hiếu sắc có ai đòm, mà dù có ai muốn hại ngài như Phạm Tăng dở tay cất ngọc «quyết» để ra dấu quyết giết ngài cũng có chị em chúng tôi bình vực ngài đây, họ dù có đôi mắt sắc cũng không có cơ mưu cất ngọc.

Đã có chị em chúng tôi bình vực thì ngài đâu đến nỗi nửa đêm sợ Hạng Võ đánh phải đi tìm Hạng Bá mà xin kết hôn nhơn, sau được nhờ Hạng Bá ra múa gươm ở tiệc rượu Hồng Môn mà che chở cho ngài khỏi bị mũi gươm mưu sát của Hạng Trang.

Tay chị em chúng tôi tuy mềm nhưng có tình yêu dấu cũng hơn Hạng Bá là kẻ che gươm cứu ngài ở Hồng Môn

---

CHÚ THÍCH :

(102) Hiếu sắc 好色 là ưa sắc đẹp của đàn bà con gái. Xem chú thích số 86.

(103) Chí bất tiểu 志不小 là chí không phải nhỏ đâu. Phạm Tăng dòm thấy Bái Công khi ở Đông Sơn có lòng hiếu sắc, khi vào cung Tần lại bỏ lòng ấy thì nói với Hạng Võ phải nên đánh gấp Bái Công, vì Tăng biết chí Bái Công không phải nhỏ.

(104) Cất ngọc, chữ gọi là Cử-Ngọc 擧玉 dở ngọc. Khi Hạng-Võ mời Bái-Công dự tiệc tại Hồng – Môn thì Hạng-Bá đã liếc mắt nhìn Hạng-Võ tay cất hoàn ngọc quyết ý muốn giết Bái-Công giữa tiệc.

(105-107) Kết duyên 結緣 là kết tình hôn nhân với nhau. Khi Bái-Công bị Tào-vô-Thượng nói dèm với Hạng - Võ dục đánh Bái-Công gấp. Bái-Công biết thế yếu chống không lại, nên phải đi tìm Hạng-Bá mà xin kết duyên hôn-nhân để nhờ Hạng-Bá cứu cho. Về sau Bá đã ra múa gươm giữa tiệc Hồng - Môn mà che chở cho Bái-Công.

(106) Ý tại trung 意在中 là ý ở trong. Sử-ký chép: Khi Hạng Trang múa gươm có ý chăm giết Bái-Công rất bức. Trương-Lương đã nói câu ấy với Phàn-Khoái rồi Khoái đến Hồng-Môn chực cứu cấp cho Bái-Công.

39) Gương trong duốc vạng mặc lòng trên.
Cỏ mọn hoa hèn dành phận dưới.

40) Nơi hang giá (108) vì hơi dương đã thấu, thì trong nước ai không thần thiếp (109) lọ phòng tiêu (110) cung quế mới vui lòng.

Chốn non Kinh (111) dù về ngọc mà lắm, thì dưới trời đâu chẳng giang sơn, về cửa cỏ (112) rèm lau càng mát mặt.

Ngài là một vị Thiên-tử thông minh, sáng suốt như đuốc rạng gương trong, thì xin ngài sẽ định liệu tùy ý cao minh Ngài.

Còn như chị em chúng tôi là loài cỏ mọn hoa hèn, thương nhờ ghét chịu, chúng tôi xin dành chịu phận tỳ-tiện.

Tuy nhiên, chị em chúng tôi xin kết luận một lời rằng : Chúng tôi đơn cô hàn tiện như dựa ở nơi hang giá rầy run, chỉ mong được hơi nắng bóng thái dương là Ngài : chiếu cố đến được thỏa lòng ái-đới rồi, chớ lọ phải là được chức Cung-phi Hoàng-hậu ở chốn Cung-quế phòng-tiêu mới vui lòng ? (Ý nói được hạnh sủng là thỏa nguyện).

Còn nếu Ngài ấm muội như Lệ-Vương và Võ-Vương không biết Hoàn ngọc Bích ở nơi núi Kinh-Sơn như chuyện Biện-hòa ngày xưa, thì chúng tôi cần gì phải xưng là thần là thiếp, vì ở dưới trời này ở đâu lại không có giang sơn, thì chúng tôi tự thối thân chốn cung cấm này mà về nơi cửa cỏ, rèm lau lại càng mát mặt.

(Ý nói nếu không hạnh sủng thì về thôi).

CHÚ THÍCH :

108) Hang giá, hơi dương : là nơi hang băng lạnh đóng và hơi nắng của bóng thái dương. — Chữ gọi (Dương sanh hàn cốc 陽生寒谷 Hơi ấm sanh nơi hang lạnh ví kẻ bị oan khổ được lẽ công minh xét đến.

109) Thần thiếp 臣妾 những kẽ đàn ông đàn bà chịu sai sử việc hạ tiện xưng là thần thiếp. 易 Kinh dịch : Hữu tật lệ, súc thần thiếp 有疾癘畜臣妾 có bệnh tật nuôi kẻ thần thiếp. . .)

110) Phòng tiêu : Tên một tòa điện của bà Hoàng-Hậu ở tại cung Vị nơi nhà Hán — Sách Nhĩ-nhã chép — Tiêu nóng và có

CHÚ-THÍCH:

hơi ấm và thơm. Đời Hán dùng tiêu hột sơn điện cho có hơi thơm và ấm — Cung quế — Sách Nam bộ yên hoa 南部烟花 chép vua Trần Hậu chúa 陳後主 làm quế cung cho bà Trương lệ Hoa 張麗華 ở tại sau điện Quan Chiêu ở giữa sân điện có trồng một cây quế — trổ cửa tròn cánh cửa thủy tinh như hình mặt trăng. Ý theo chuyện thần tiên ở trong mặt trăng có cây quế.

(111) Non kinh. Chữ gọi Kinh sơn 荊山 sách Hàn Phi Tử 韓非子 chép đời Tần có người Biện hòa 卞和 ở núi Kinh sơn đem dâng Vua Lệ Vương một hòn đá và tâu rằng ở trong có ngọc bích.

Vua sai thợ ngọc xét bảo rằng không có ngọc. Vua bắt tội « khi quân » cưa mất một chân. Sau đến Võ-vương lên ngôi Hòa lại đem đá ấy dâng lại cũng bị tội « Khi quân » lần nữa, cắt mất chân nữa. Đến Văn Vương lên ngôi, Hòa ôm hòn đá khóc ba ngày rách cồ ra huyết. Văn Vương gọi đem cưa ra xem quả có ngọc.

(112) Cửa cỏ rèm lau là nơi gái nghèo ở : Thơ Tần Thao Ngọc vịnh lời than con gái nghèo : « Bồng môn vị thức ỷ la hương » 蓬門未識綺羅香 nơi cửa cỏ rèm lạu chưa từng biết hợi thơm là lược

---

41) Âu là cũng tiếc chung mới nói,
Há dám rằng giận lẻ mà kêu.

42) Đừng khiếp nơi năm bước mòi lầu (113,) song nghỹ thành kia (114) nghiêng thi đỡ, nước kia lở thị nâng, khó chi vận ngũ-hưng(117) tay thánh chúa

Xin gác nỗi một cười nghìn lượng (116) dám khoe canh (114) nầy vụng nhưng quen ; rượu nầy (118) nhẹ nhưng thuộc, dễ có dàu tái-đắc mặt giai-nhàn

Khi đã kết luận sự ở và về như đã nói trên kia, thì cung-nữ lại thêm rằng : Chị em chúng tôi sở dĩ nói là vì tiếc chung cho chị em chúng tôi mà nói chớ đâu phải là chỉ vì giận riêng hơn, lẽ mà kêu nài.

Vậy xin ngài chớ ngại chi nơi A-Phòng cung nầy là nơi « năm bước một lầu » và cũng chớ ngại chi dung mạo chị em chúng tôi là nghiêng thành nghiêng nước ; vì nếu như thành kia có đổ, nước kia có nghiêng thì có tay ngài là tay « Ngũ Hưng » thánh chúa sẽ nâng đỡ cho .

Bởi vậy xin ngài hãy gát ra một bên những dung mạo chị em chúng tôi tốt tươi một tiếng cười giá đến ngàn vàng ; sự ấy xin hãy bỏ qua chớ nên nói ; chị em chúng tôi xin nói và xin khoe rằng dù « Canh » chúng tôi vụng nấu nhưng đã quen nấu ắt cũng dùng được, rượu chúng tôi tuy quê, tuy dỡ nhưng vẫn thuộc vẫn sành, có thể ngài dùng được, thì sự nội trợ của chúng tôi vẫn đắc thể lắm. Và xin khuyên ngài một điều là mặt giai nhân vốn khó có và khó có lại như người đã nói « Giai nhân nan tái đắc » đó mà.

CHÚ THÍCH :

(113) Năm bước một lầu, câu nầy dùng chữ ở bài phú « A phòng cung» của Đỗ Mục 杜牧 có câu «ngũ bộ nhứt lâu, thập bộ nhứt các» 五步一樓十步一閣 năm bước một cái lầu, mười bước một cái gác (có rất nhiều lầu các).

(114) Nghiêng thành nghiêng nước chữ gọi «Khuynh thành khuynh quốc» 傾城傾國 Kinh thi 經詩 «Triết phu thành thành, Triết phụ khuynh thành 哲夫成城哲婦傾城 Người đàn ông giỏi xây dựng nên cái thành, người đàn bà đẹp làm cho thành phải nghiêng đổ.

(115) Ngũ hưng là năm điềm tốt làm cho nước nhà được hưng khởi (xem chú thích số 4 trang 6 sẽ rõ).

(116) Thơ Lý Bạch 李白 có câu «Mỹ nhân nhất tiếu thiên hoàng kim» 美人一笑千黃金 Một tiếng cười (nụ cười) của người mỹ nhân giá đáng nghìn vàng.

(117) « Canh » một vị ăn dùng thịt nấu với nước có gia vị thơm như ta thường gọi thịt xáo, hoặc nấu với các thứ rau như canh thập tàng v.v.

Chữ canh dùng ở câu nầy có lắm ý và lắm sự trạng của Bái công như sau nầy :

1·) Sử ký chép khi Hạng Vương bắt được Thái Công là thân phụ của Bái Công muốn dọa Bái Công và bắt phải về đầu hàng thì đem Thái Công để trên ghế hạ thịt có đủ dao thớt mà bảo Bái Công rằng: Nay nếu không hàng ta ngay thì ta làm thịt Thái-Công. Bái Công trả lời rằng : Ta cùng Hạng Vương khi phụng sự Hoài Vương để đánh Tần thì đã ước kết làm anh em với nhau, thì cha ta tức là cha mầy, nếu mầy làm thịt cha ta, sẽ chia cho ta một bát thịt xáo . . .

2·) Sử ký lại chép : Khi Bái Công đang làm đình trưởng, một hôm ăn cơm ở nhà người anh, có vị canh ngon, Bái Công ăn hết còn đòi thêm. Người chị dâu dưới bếp không muốn múc canh thêm, nên lấy cái vá cào trong trách nghe tiếng rột rột, ý bảo canh đã hết sạch phải vét đã hết rồi.

Về sau khi Bái Công làm vua thì phong chức tước hầu cho người cháu tức là con mụ chị dâu múc canh ấy là «Dát canh hầu» 曼羨侯 tước hầu vét canh.

3·) Vua Tự Đức vịnh ông Bái Công có câu «Phong hầu còn nhớ kẻ khua môi» (khua môi là khua cái vá múc canh).

(118) Rượu. Chữ rượu nầy chỉ tính ham tửu sắc của Bái Công.

Sử ký chép khi Bái Công còn nhỏ tánh ham ưa tửu và sắc. Thường theo hai mụ Vương Xương, Võ Phụ mà uống chịu rượu . . .

(119) Giai nhân nan tái đắc ; người đẹp khó có lại ; Câu này nguyên của Lý Diên Niên 李延年 Tôi vua Hán Võ Đế muốn dâng người em gái rất đẹp làm cung nhân, thì đã hát cho Võ Đế nghe câu «Bắc phương hữu giai nhân. Tuyệt thế nhi độc lập. Nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc. Ninh bất tri khuynh quốc dự khuynh thành, giai nhân nan tái đắc» 北方有佳人絕世而獨立一顧傾人城再顧傾人國寧不知傾國與傾城佳人難再得 nghĩa là ở phương bắc có người đẹp đã tuyệt thế mà chỉ đứng một mình, không ai sánh kịp. Mỗi khi người đẹp đoái ngó thì cả thành người phải đổ theo, Đoái lần nữa, cả nước đổ nghiêng theo. Sự nghiêng thành nghiêng nước chớ cần biết làm gì, chỉ nên biết người đẹp khó có một lần nữa (Ý nói nếu để già rồi đâu tìm cho thấy nữa).

Võ Đế bèn khiến Lý Diên Niên dâng lên xem, quả đẹp thật.

43) Xin chớ cười lời khách kiều nghiêu (120)
Cùng gởi lạy đức ông hoát đạt (121)

Khi đã cạn lời, cung nữ còn nói tiếp rằng : Xin ngài chớ có cười chị em chúng tôi là bọn khách dịu dàng tươi tốt này và cũng xin bái từ đức ông hoát đạt.

CHÚ THÍCH :

120) Kiều Nghiêu 嬌嬈 nghĩa là dịu dàng tốt tươi, dung mạo của đàn bà con gái. Song nguyên trước là Kiều Nhiêu 嬌饒 sau thường dùng Kiều Nghiêu cùng một nghĩa.

Thơ Đỗ Phủ (Giai nhân lũ xuất Đông Kiều Nghiêu người đẹp thường xuất hiện như nàng Kiều Nghiêu họ Đông 佳人屢出豔嬌嬈 Vậy nguyên tên người sau dùng thành thói quen.

121) Sử ký chép chuyện Bái Công có câu (Đế hoát đạt đại độ khoan nhân ái dân 帝豁達大度寬仁愛人 Ngài có tánh rộng rải lớn lao, thường rộng nhơn và yêu người.

Chữ hoát 豁 có bản chép là khoát 濶 là sai. Khoát nghĩa là viển vông chớ không phải là rộng rãi.

HẾT

BỊ CHÚ

Bài Tần cung-nữ oán Bái Công văn này, gồm có 86 câu, tức là 43 câu biền ngẫu và 121 số chú thích rất tường, tưởng cũng đã gọi là hết ý nghĩa rõ mạch lạc. Song biết đâu còn có điều sai lầm do sự sang đi chép lại hoặc biện luận khác ý nhau,

Vậy mong các bậc cao minh quân tử, nếu còn có nơi sai lầm xin chỉ giáo thêm cho, mong được cải chính.

Đa tạ,

TÔN-THẤT-LƯƠNG
(Vân-Bình cư-sĩ)

己丑年孟冬吉日

秦宮女怨沛公文

鄧陳常先生撰
雲屏尊室琅註疏

NHA IN DUC-THINH
32. đường Gia-Hội. 32
HUE